



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 18/2023
Từ 08/5 - 12/5/2023

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG

VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

**LẠM PHÁT ĐANG GIẢM DẦN, CẦN ƯU TIÊN HƠN
CHO TĂNG TRƯỞNG VÀ NHẤT QUÁN MỤC TIÊU
ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ**

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, trong bối cảnh làm phát vẫn được kiểm soát trong mục tiêu Quốc hội giao và đang giảm dần qua các tháng, cần ưu tiên hơn cho tăng trưởng song vẫn nhất quán mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu tại Phiên họp. Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Sáng ngày 05/5, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2023. Chính phủ đã tập trung thảo luận về tình hình phát triển kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 5 và thời gian tới cùng một số nội dung quan trọng khác (về giải ngân vốn đầu tư công, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 chương trình mục tiêu quốc gia).

Các báo cáo, ý kiến phát biểu tại cuộc họp thống nhất đánh giá, trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2023, tình hình có khó khăn, thách thức nhiều hơn cơ hội và thuận lợi. Trên thế giới, tăng trưởng giảm, lạm phát hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao; các thị trường lớn, truyền thống của Việt Nam bị thu hẹp. Trong nước, Việt Nam là nước đang phát triển, nền kinh tế đang chuyển đổi, quy mô nền kinh tế nhỏ nhưng độ mở lớn, sức chống chịu có hạn, một tác động nhỏ bên ngoài có thể ảnh hưởng lớn tới bên trong.

Trong bối cảnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ. Trong đó, đã tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật với 8 phiên họp Chính phủ qua 4 tháng, trong đó có 4 phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật.

Với gần 600 cuộc họp, hội nghị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 31 văn bản quy phạm pháp luật (19 nghị định và 12 quyết định quy phạm của Thủ tướng Chính phủ), 77 nghị quyết của Chính phủ, 498 quyết định cá biệt và 27 công điện, 11 chỉ thị, 398 công văn.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo các Bộ, ngành địa phương chủ động rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về cơ chế, chính sách, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, sinh kế cho người dân; giao nhiệm vụ cho từng thành viên Chính phủ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong cơ quan của mình và làm việc trực tiếp, nắm tình hình, giải quyết các vấn đề tại địa phương.

10 điểm nổi bật trong chỉ đạo, điều hành

Kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh 10 điểm nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành tháng 4 và 4 tháng vừa qua.

Thứ nhất, tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy các thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp (Nghị định số 08/2023/NĐ-CP), thị trường bất động sản (Nghị quyết số 33/NQ-CP).

Thứ hai, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đôn đốc các dự án, công trình trọng điểm quốc gia với 5 tổ công tác được thành lập.

Thứ ba, cho phép các tổ chức tín dụng cơ cấu lại nợ, gia hạn nợ, mua lại trái phiếu doanh nghiệp (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành 2 thông tư về nội dung này).

Thứ tư, gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất (Nghị định số 12/2023/NĐ-CP) và đang trình cấp có thẩm quyền xem xét giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất.

Thứ năm, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (Nghị quyết số 58/NQ-CP).

Thứ sáu, xử lý vướng mắc về mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế (Nghị quyết số 30/NQ-CP và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP).

Thứ bảy, tổ chức các hội nghị triển khai chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị về 6 vùng kinh tế - xã hội gắn với các hội nghị xúc tiến đầu tư.

Thứ tám, tổ chức các hội nghị trực tuyến toàn quốc về triển khai công tác quy hoạch, chuyển đổi số, du lịch, ngoại giao kinh tế, thực hiện Đề án 06, các phiên họp Ban chỉ đạo về cải cách hành chính, các công trình trọng điểm quốc gia..., gặp mặt các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nước ngoài và trong nước để lắng nghe các ý kiến một cách cầu thị.

Thứ chín, tập trung xử lý quyết liệt, có hiệu quả với các doanh nghiệp, dự án thua lỗ, các ngân hàng yếu kém. Trong 12 dự án thua lỗ ngành công thương, đã tìm được đầu ra cho 8 dự án. Cùng với đó, xử lý các vấn đề liên quan Trung tâm nhiệt điện Ô Môn, Nhiệt điện sông Hậu 1; Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được khánh thành mà không sử dụng thêm ngân sách

và còn tiết kiệm hơn 200 tỷ đồng tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt và xử lý các vấn đề liên quan ngân hàng SCB...

Thứ mười, tập trung thúc đẩy các dự án hạ tầng chiến lược, vừa khánh thành các tuyến cao tốc Mai Sơn - Quốc lộ 45, Dầu Giây - Phan Thiết và các dự án Phan Thiết - Vĩnh Hảo, Cam Lâm - Nha Trang sẽ hoàn thành trong tháng 5 tới. Khởi công 12 dự án cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2 với chiều dài 729 km và khẩn trương chuẩn bị khởi công các dự án kết nối đông tây, các tuyến vành đai 4 Hà Nội, vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh... Đã báo cáo cấp có thẩm quyền và chuẩn bị triển khai đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam.

Sản xuất công nghiệp tăng trở lại, dịch vụ phục hồi nhanh

Về tình hình kinh tế - xã hội tháng 4, các báo cáo và ý kiến tại phiên họp đánh giá nhìn chung xu hướng tích cực và một số lĩnh vực cải thiện hơn.

Cụ thể, lạm phát có xu hướng giảm dần qua các tháng, CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2023 tăng 3,84% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lạm phát ở hầu hết các nước đối tác lớn đều neo ở mức cao và kéo dài. Thị trường tiền tệ, tỷ giá cơ bản ổn định, lãi suất điều hành được điều chỉnh giảm 2 lần liên tiếp, lãi suất cho vay bình quân giảm 0,41% so với cuối năm 2022; các ngân hàng thương mại nhà nước tiên phong, dẫn dắt giảm lãi suất. Xuất siêu tiếp tục tăng mạnh, tháng 4 xuất siêu 1,51 tỷ USD, 4 tháng đầu năm xuất siêu 6,35 tỷ USD.

Về tăng trưởng, nông nghiệp tiếp tục khẳng định là bộ đỡ vững chắc trong khó khăn. Lúa gạo được mùa, được giá, năng suất lúa đông xuân ước đạt 72 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so với năm trước; tháng 4 xuất khẩu 1,1 triệu tấn gạo với giá trị 574 triệu USD, tăng 98% về lượng và 108% về giá so với cùng kỳ; tính chung 4 tháng, xuất khẩu 2,95 triệu tấn gạo với giá trị 1,55 tỷ USD.

Sản xuất công nghiệp tăng trở lại. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4 tăng 3,6% so với tháng 3 và tăng 0,5% so với cùng kỳ (3 tháng đầu năm giảm 2,2%). Khu vực dịch vụ tiếp tục phục hồi. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước, tính chung 4 tháng tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước tăng khá, tháng 4 đạt 39,3 nghìn tỷ đồng, tăng 16,4% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp thành lập mới tăng trở lại, trong tháng 4 có 16 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 12,3% về số doanh nghiệp, tăng 6,2% về vốn đăng ký và tăng 28,5% về số lao động so với tháng 3.

Du lịch tiếp tục xu hướng phục hồi nhanh, lượng khách quốc tế đến Việt Nam tháng 4/2023 đạt 984 nghìn lượt, cao nhất tính từ đầu năm đến nay, tăng 9,9% so với tháng trước và gấp 9,7 lần so với cùng kỳ.

Các hoạt động kỷ niệm Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, Ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Ngày Quốc tế lao động 1/5 diễn ra vui tươi, an toàn, lành mạnh, tiết kiệm. Các hoạt động thể thao sôi động, được đẩy mạnh, trong đó có lễ xuất quân SEA Games 32.

Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện; tỉ lệ hộ đánh giá có thu nhập trong tháng 4 không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm trước là 94,4% (tăng 1% so với tháng trước).

Các đại biểu cho rằng, những kết quả nổi bật của tháng 4 đã đóng góp quan trọng vào kết quả chung của cả nước trong 4 tháng. Đánh giá khái quát, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn được bảo đảm; các ngành, lĩnh vực chủ yếu phát triển ổn định, đặc biệt là công nghiệp tăng trưởng trở lại sau khi suy giảm trong Quý I, ngành nông nghiệp ổn định và phát triển, khu vực dịch vụ phục hồi tốt.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 4 tháng tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Có 3,7 triệu lượt khách quốc tế, gấp 19,2 lần cùng kỳ.

Đầu tư phát triển được đẩy mạnh, trong đó giải ngân đầu tư từ ngân sách đến ngày 30/4/2023 là 110.633 tỷ đồng, đạt 15,65% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn cùng kỳ năm 2022 (18,48%) tuy nhiên về số tuyệt đối tăng gần 15 nghìn tỷ đồng (khoảng 16%) so với cùng kỳ năm 2022.

Số dự án FDI mới tăng 65,2%, tổng vốn đăng ký tăng 11,1%, tổng giá trị vốn góp mua cổ phần tăng 70,4% so với cùng kỳ, chỉ riêng số vốn đăng ký bổ sung giảm 68%. Tổng vốn đăng ký mới, bổ sung, mua cổ phần tính đến ngày 20/4/2023 ước đạt 8,8 tỷ USD, trong đó vốn thực hiện 5,58 tỷ USD, giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại hoạt động là 78,9 nghìn, vượt số doanh nghiệp rút lui là 77 nghìn.

Các đột phá chiến lược về thể chế, hạ tầng, nhân lực được tập trung chỉ đạo, công tác quy hoạch được chú trọng, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh được đẩy mạnh gắn với triển khai Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số quốc gia. Quyết liệt triển khai các kết luận của Bộ Chính trị về các vấn đề, dự án tồn đọng, kéo dài.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng, tổ chức an toàn các ngày lễ lớn. An sinh xã hội, đời sống người dân được bảo đảm. Chỉ số hạnh phúc của Việt Nam tăng 12 bậc, từ vị trí 77 vào năm 2022 lên 65 trong năm 2023.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả, góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền lãnh thổ được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí. Công tác đối ngoại và hội nhập được đẩy mạnh, uy tín và vị thế đất nước tiếp tục nâng lên.

Thông tin truyền thông được tăng cường; tích cực đưa thông tin nhanh chóng, chính xác về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và ngăn chặn, gỡ bỏ, phản bác nhiều thông tin giả, xấu, độc, phản cảm, chống phá Đảng và Nhà nước.

Các tổ chức quốc tế đánh giá tốt về tình hình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và dự báo lạc quan trong thời gian tới. OECD ngày 26/4 nhận định Việt Nam phục hồi kinh tế nhanh nhờ phản ứng chính sách kịp thời trong kiểm soát dịch bệnh; tăng trưởng kinh tế Việt Nam hiệu quả cao hơn so với hầu hết các nền kinh tế khác ở Đông Nam Á, tạo điều kiện tiền đề, nền tảng để tăng trưởng khoảng 6,5% trong năm 2023 và 6,6% trong năm 2024.

Tình hình bất ổn bên ngoài tiếp tục tác động, ảnh hưởng lớn

Bên cạnh những kết quả đạt được, về tồn tại, hạn chế, khó khăn và những vấn đề cần lưu ý, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, ổn định kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững

chắc, tăng trưởng tín dụng thấp, rủi ro nợ xấu gia tăng, tình hình bất ổn bên ngoài tiếp tục tác động, ảnh hưởng lớn.

Sản xuất công nghiệp tuy phục hồi trong tháng 4 nhưng tính chung 4 tháng vẫn giảm so với cùng kỳ. Các động lực tăng trưởng chủ yếu (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng) đều có xu hướng suy giảm, xuất nhập khẩu 4 tháng giảm. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 4 tháng thấp hơn cùng kỳ. Vốn FDI đăng ký giảm.

Việc triển khai một số chính sách trong chương trình phục hồi, các chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm. Hoạt động sản xuất kinh doanh còn khó khăn, chi phí đầu vào tăng, tiếp cận vốn ở một số nơi còn khó khăn, mặt bằng lãi suất đã giảm nhưng còn cao. Nông nghiệp cần đặc biệt lưu ý việc cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi, thị trường xuất khẩu, nhất là chăn nuôi lợn gặp khó khăn do giá đầu ra giảm, đầu vào tăng. Các thị trường trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, bất động sản tiếp tục gặp khó khăn.

Cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính với người dân và doanh nghiệp, việc triển khai Đề án 06 và cải cách hành chính nội bộ cần bút phá mạnh mẽ hơn nữa với quan điểm đề cao trách nhiệm cá nhân, tinh thần phục vụ, dám nghĩ, dám làm.

Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và người chịu tác động bởi đại dịch. An ninh, trật tự an toàn xã hội ở một số địa bàn, lĩnh vực tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

Lưu ý việc có lúc, có nơi dự báo chưa sát, phản ứng chưa kịp thời với tình hình, xuất hiện tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh một số bài học kinh nghiệm.

Đó là, phải giữ vững đoàn kết, thống nhất, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm các quy định, quy chế. Cùng với đó, làm tốt công tác nghiên cứu, dự báo tình hình, nắm chắc thực tiễn, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, các nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ để thực hiện, vận dụng sáng tạo, ban hành các chính sách, phản ứng kịp thời, hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đồng thời, giữ vững nguyên tắc nhưng chủ động, linh hoạt, sáng tạo, đổi mới trong điều hành, quản lý và xử lý các vấn đề đột xuất, bất ngờ.

3 nhóm nhiệm vụ lớn thời gian tới

Về bối cảnh, tình hình thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ một số vấn đề cần lưu ý như việc OECD áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024; việc Trung Quốc mở cửa, phục hồi vừa mang lại cơ hội vừa có những thách thức; rủi ro tài chính, tiền tệ, bất động sản trên thế giới còn cao.

Về mục tiêu, quan điểm, định hướng, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, cần nhất quán theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, theo đó, phải đạt được mục tiêu ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao

hiệu quả đối ngoại và hội nhập quốc tế, góp phần giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định, tạo thuận lợi cho phát triển đất nước.

Với tinh thần chia sẻ, đồng hành, huy động được sức mạnh tổng hợp cả hệ thống chính trị, Thủ tướng nêu rõ 3 nhóm nhiệm vụ lớn. Trong đó, nhóm nhiệm vụ thứ nhất là tập trung chuẩn bị các đề án, báo cáo trình Trung ương, Quốc hội bảo đảm tiến độ và chất lượng theo quy định.

Nhóm nhiệm vụ lớn thứ hai là ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trong khi vẫn nhất quán mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Điều hành hài hòa, cân bằng, hợp lý, hiệu quả giữa lãi suất và tỷ giá, giữa tăng trưởng và lạm phát, giữa cung và cầu, giữa chính sách tiền tệ và tài khóa, giữa bên trong và bên ngoài. Hiện nay, lạm phát vẫn được kiểm soát trong mục tiêu Quốc hội giao và đang giảm dần, do đó, ưu tiên hơn cho tăng trưởng từ tháng 4, 5 và những tháng tiếp theo.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; trước mắt, tăng khả năng tiếp cận vốn cho sản xuất, kinh doanh và phân đấu giảm mặt bằng lãi suất cho vay với cả khoản vay mới và hiện hữu.

Thực hiện chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, linh hoạt, hiệu quả; tăng cường hơn nữa vai trò của chính sách tài khóa trong bối cảnh dư địa còn khá lớn khi dư nợ công khoảng 38% GDP, dư nợ Chính phủ khoảng 34,7% GDP, so với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là 60% và 50% GDP, ngưỡng cảnh báo là 50% và 45% GDP.

Tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy cả phía cầu và cung.

Về cầu, sớm có các giải pháp kích cầu tiêu dùng, phát triển mạnh thị trường trong nước; sớm có các giải pháp miễn giảm thuế, phí, lệ phí, hỗ trợ người lao động, người dân, khuyến mại, giảm giá; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tạo thuận lợi thu hút vốn đầu tư tư nhân, tháo gỡ mọi rào cản, huy động hợp tác công tư, khơi thông mọi nguồn lực phát triển; về xuất khẩu, tăng cường xúc tiến thương mại, giữ vững các thị trường truyền thống, mở rộng các thị trường mới, đẩy mạnh đàm phán các Hiệp định thương mại tự do - FTA. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, chung tay xây dựng cơ sở hạ tầng; phong trào người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

Về cung, tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, sức cạnh tranh. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và quản trị xã hội về lao động, môi trường, tạo thuận lợi cho các thị trường vốn, khoa học công nghệ, lao động, nâng cao năng suất lao động. Đẩy mạnh hợp tác công tư, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư.

Nhóm nhiệm vụ lớn thứ ba, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tiếp tục tập trung rà soát, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra, nhất là rà soát, hoàn thiện thể chế; làm tốt công tác quy hoạch; giải ngân vốn đầu tư công, 3 chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phục hồi và phát triển.

Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao tay nghề, kỹ năng nghề. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp chú trọng phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống Nhân dân.

Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, tăng cường kỷ luật, kỷ cương; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và phối hợp chặt chẽ, hiệu quả hơn giữa các bộ, ngành, địa phương; củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập; tăng cường công tác truyền thông, nhất là truyền thông chính sách, phản bác mạnh mẽ hơn nữa với các luận điệu chống phá của các thế lực thù địch.

Khẩn trương trình cấp thẩm quyền phương án giảm 2% VAT

Về nhiệm vụ cụ thể, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ trưởng, trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành với quyết tâm cao hơn, nỗ lực lớn hơn, quyết liệt hơn, có trọng tâm, trọng điểm, thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Thực hiện nghiêm Công điện số 280/CD-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy công việc, tâm lý e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám tham mưu, đề xuất xử lý công việc, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; theo dõi việc thực hiện các thông tư 02, 03, nếu có vấn đề nổi lên thì kịp thời giải quyết ngay; tiếp tục chỉ đạo tiết giảm chi phí, giảm lãi suất cho vay, tăng khả năng tiếp cận vốn, bảo đảm tăng trưởng tín dụng hợp lý, hướng vào các động lực tăng trưởng và lĩnh vực ưu tiên; tập trung xử lý các ngân hàng thương mại yếu kém, bảo đảm thanh khoản, an toàn hệ thống, chú trọng xử lý nợ xấu; rà soát và có giải pháp phù hợp góp phần tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản; triển khai chương trình tín dụng 120 nghìn tỷ đồng cho phát triển nhà ở xã hội và 10 nghìn tỷ đồng cho doanh nghiệp gỗ, thủy sản.

Bộ Tài chính tăng cường quản lý thu ngân sách, thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, triệt để tiết kiệm chi, cắt giảm các khoản chi không cần thiết; sớm đề xuất các biện pháp xử lý vướng mắc về vốn ODA (trình trong tháng 5); khẩn trương trình cấp thẩm quyền phương án giảm 2% VAT; trình phương án đối với thuế tối thiểu toàn cầu; tiếp tục chuẩn bị phương án hỗ trợ bổ sung về miễn giảm thuế, phí, lệ phí; nghiên cứu, tính toán phương án giảm thuế trước bạ đối với ô tô; đề xuất xử lý bất cập, phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường chứng khoán...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, công khai tỉ lệ giải ngân của các bộ, ngành, địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng, tăng cường phân cấp, phân quyền; chủ trì, tiếp tục rà soát cắt giảm các điều kiện kinh doanh; tăng cường xúc tiến, thu hút đầu tư FDI chất lượng cao, hướng dẫn thủ tục các dự án hợp tác công tư; dự báo, cập nhật các kịch bản điều hành kinh tế vĩ mô.

Bộ Xây dựng đôn đốc thực hiện nghiêm Nghị quyết 33 của Chính phủ, tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản; phối hợp Bộ Công an tháo gỡ vướng mắc trong các thông tư về phòng cháy, chữa cháy, ban hành trước ngày 15/5; đánh giá từng dự án bất động sản, phối

hợp các địa phương xử lý vướng mắc với từng loại dự án; tích cực triển khai đề án xây dựng 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội.

Bộ Giao thông vận tải tập trung triển khai mạnh mẽ hơn nữa các công trình trọng điểm quốc gia, uỷ quyền, phân cấp một số dự án cho địa phương.

Bộ Công Thương đẩy nhanh các dự án công nghiệp quy mô lớn; khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu; rà soát, có giải pháp hiệu quả kích cầu tiêu dùng, triển khai tốt cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; tăng cường xúc tiến thương mại, sớm ký kết FTA với Israel, đẩy mạnh đàm phán Hiệp định thương mại tự do - FTA với Trung Đông; bảo đảm thị trường xăng dầu ổn định, khẩn trương trình sửa đổi các nghị định về kinh doanh xăng dầu; trình ban hành Quy hoạch Điện VIII trước ngày 10/5.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương đề xuất phân cấp chuyển đổi đất rừng; tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, phối hợp Bộ Công Thương tìm đầu ra cho nông sản, tập trung cho xuất khẩu chính ngạch, thúc đẩy chương trình OCOP, thực hiện nghiêm túc các giải pháp tháo gỡ thẻ vàng IUU.

Bộ Tài nguyên và Môi trường tập trung hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), báo cáo các vấn đề vướng mắc cần giải quyết; tăng cường dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi sát tình hình, có giải pháp điều tiết cung cầu lao động; thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội; thúc đẩy xuất khẩu lao động.

Bộ Y tế tiếp tục triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, tháo gỡ vướng mắc trong đấu thầu, mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế... và phòng chống các loại dịch bệnh.

Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát lại hệ thống, chương trình sách giáo khoa, có giải pháp cụ thể phòng chống tham nhũng, tiêu cực, báo cáo Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà trong tháng 5; chuẩn bị tốt kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023.

Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương chuyển giao Khu công nghệ cao Hòa Lạc về Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội; hoàn thiện, trình ban hành Đề án nâng cao năng suất lao động.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề xuất giải pháp kích cầu du lịch, trình Quốc hội sửa đổi các quy định về thị thực; xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá.

Bộ Nội vụ tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, hoàn thiện pháp luật về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, tinh giản biên chế, khẩn trương trình cấp có thẩm quyền ban hành Nghị định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Bộ Tư pháp khẩn trương đôn đốc các Bộ, ngành khẩn trương hoàn thành các dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội khóa XV tại kỳ họp thứ 5...

Thanh tra Chính phủ khẩn trương hoàn thành báo cáo Bộ Chính trị về tháo gỡ khó khăn cho các dự án bất động sản liên quan tới các bản án, kết luận thanh tra, điều tra...

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ đạo các tập đoàn, tổng công ty tăng cường đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, hoàn thiện phương án xử lý, cơ cấu lại 4/12 dự án thua lỗ còn lại. Các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước phải đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, đổi mới quản trị, tiết giảm chi phí, cải thiện hiệu quả, nhất là đầu tư cho phát triển, đầu tư các dự án quy mô lớn.

Các địa phương chú trọng chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng; đẩy mạnh công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị dự án, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, thực hiện hiệu quả và tích cực hơn các chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy mạnh cải cách hành chính, xúc tiến đầu tư, thương mại; phòng chống thiên tai, tham nhũng, tiêu cực...

Nguồn: baohinhphu.vn

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI: TẬP TRUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, SIẾT CHẶT KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG CÔNG VỤ

Nhà nước kiến tạo thì phải đồng hành với người dân và doanh nghiệp. Phải rà soát lại hết tất cả các vấn đề, khởi động lại các cơ chế đã có; tập trung cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ.

Giữ vững ổn định vĩ mô trước các cú sốc trong và ngoài nước là thành công lớn

Điểm sáng của Quý IV năm 2022 là nỗ lực giữ ổn định kinh tế vĩ mô trước các cú sốc trong và ngoài nước. Bắt đầu sang Quý III, Quý IV, chúng ta đối diện mấy cú sốc liên, Fed tăng lãi suất liên tục, trong nước lại đối diện với cú sốc về Ngân hàng SCB và nhiều vấn đề khó khăn nữa. Trong bối cảnh đó, Bộ Chính trị đã có Kết luận về kinh tế vĩ mô. Chúng ta đã giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, giữ được ổn định về tỷ giá và lạm phát. Điều này có ý nghĩa lớn lắm. Cả báo cáo Chính phủ, báo cáo thẩm tra cần nhấn mạnh điều này. Năm ngoái, chúng tôi lo đến không ngủ được, thế mà chúng ta đã giữ được. Đây là cố gắng, nỗ lực rất lớn trong lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Chính phủ là cơ quan tổ chức thực thi vấn đề này, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Kinh tế Trung ương, các cơ quan chịu trách nhiệm về vĩ mô. Năm ngoái là chao đảo, chứ không phải đơn giản. Từ rất khó khăn của Quý III, sang Quý IV chúng ta nỗ lực vượt được và cả năm đạt được 8,02% tăng trưởng, lạm phát ở mức 3,15% - phải nói là thắng lợi lớn, tổng quát lại năm 2022 là năm khá tốt.

Tuy nhiên, suy giảm động lực và tốc độ tăng trưởng đã bắt đầu rất rõ, từ Quý III tăng trưởng gần 14% sang đến Quý IV còn có 5,9%, bắt đầu sang quý I năm nay còn có 3,32%, rơi

gần như thẳng đứng như thế. Tới đây, nhiệm vụ là phải đánh giá, dự báo xem đã xuống đáy chưa và bắt đầu có chiều hướng đi lên không hay vẫn tiếp tục xuống?

Tôi đề nghị bám sát kết luận của Bộ Chính trị về kinh tế vĩ mô để đánh giá thêm năm 2022, kể cả những nỗ lực, cố gắng đã đạt được, những vấn đề đang đặt ra và việc đó sẽ kéo theo cả năm 2023 nữa.

Đối với năm 2023, đề nghị phải quán triệt, bám sát những nghị quyết của Quốc hội, kết luận của Trung ương. Năm ngoái, chỉ số lạm phát đạt 3,15% vừa là thành tích nhưng nhiều chuyên gia cũng nói là mình kìm nén tốc độ lạm phát, điều hành chưa được nhịp nhàng lắm, nhất là một số dịch vụ công nếu năm ngoái chóp cơ hội đó mình điều chỉnh thì đỡ áp lực cho năm nay rất nhiều, giữa tăng trưởng với lạm phát hay là mình quá chú trọng kiềm chế lạm phát, dự định Quốc hội cho 4% mà thực hiện có 3,15%. Lạm phát thì thấp nhưng lãi suất thì cao, như vậy lãi suất thực dương là đúng nguyên lý nhưng chênh lệch giữa lãi suất huy động với lạm phát lớn, chưa nói đến lãi suất cho vay nên doanh nghiệp càng khó khăn.

Trong điều hành chính sách tiền tệ thì nói room tín dụng quá muộn. Còn có hơn 10 ngày nữa mới tuyên bố là nói room tín dụng thì room cũ còn không dùng đến hết thì room mới làm sao thực hiện được? Cho nên, kết quả là không dùng được room mới mở ra mà cả room đã cho phép là 14% cũng không đạt được, mà sức ép nói room tín dụng là từ Kỳ họp thứ Tư, Quốc hội Khoá XV khi chất vấn các thành viên Chính phủ đại biểu Quốc hội đã nêu rất nhiều. Đánh giá phản ứng chính sách là thiếu nhạy bén, thiếu kịp thời là chỗ này. Chúng ta phải suy nghĩ để rút kinh nghiệm trong việc điều hành.

Nhận diện rõ tình hình và xu hướng để có giải pháp phù hợp

4 tháng đầu năm nay, về vĩ mô chúng ta cơ bản vẫn giữ được. Điều này có ý nghĩa lớn lắm. Các nước lạm phát rất cao. Chúng ta vẫn giữ được các cân đối lớn của nền kinh tế; nông nghiệp vẫn tăng trưởng khá ổn định, hơn 2,5%; tổng mức bán lẻ số liệu của Tổng cục Thống kê tăng đến 12,8% so với cùng kỳ năm trước, trừ yếu tố giá thì vẫn tăng đến 8,3%... Đây có phải điểm sáng không?

Bên cạnh đó, phải đánh giá thật kỹ việc các chỉ tiêu khác bị giảm, trong đó có chỉ tiêu giảm rất nhanh như: chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước, trong khi cùng kỳ năm 2022 tăng đến 7,8%, vấn đề này rõ nhất, động lực tăng trưởng giảm mạnh. Hay báo cáo nêu lao động nhiều hơn, thu nhập cao hơn không đúng đâu. Số lao động đang làm việc trong doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm ngày 1.4.2023, tức là đến 31.3.2023 giảm 3,5% so với cùng thời điểm năm trước, làm gì có tăng. Tình hình đăng ký doanh nghiệp 4 tháng có 78,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, giảm 2%. Rút lui khỏi thị trường là 77.000 doanh nghiệp, tăng 25%. Như vậy, gần như số rút lui khỏi thị trường bằng số thành lập mới và quay trở lại hoạt động, gần như không có tăng trưởng về doanh nghiệp. Xu hướng này có thể diễn biến phức tạp hơn nữa trong những tháng tới đây. Phải nhận diện cho rõ vấn đề này. Bản thân con số đã nói lên tất cả.

Về đầu tư, nỗ lực như vậy, số tuyệt đối thì tăng lên nhưng cũng chỉ bằng 19% so với dự toán giao, cả 4 tháng được có 19%, thu hút FDI giảm 17,9% so với cùng kỳ năm trước. Vấn

đầu tư thực hiện cũng giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Năm ngoái, số vốn thực hiện luôn luôn tăng, nhưng năm nay số vốn thực hiện giảm. Nền kinh tế làm gì có vốn mà tăng trưởng được? Thu ngân sách nhà nước mặc dù đạt 39,8% dự toán nhưng giảm 5% so với cùng kỳ năm trước, tức là bằng 95%, chưa kể quý I vừa qua có một số khoản thu dư địa từ năm trước chuyển sang, nếu tách hết các yếu tố bất thường ra thì quy mô thu ngân sách của 4 tháng vừa qua, có số liệu cho thấy chỉ đạt khoảng 83% và tình hình này còn xuống nữa.

Nói thế để các đồng chí đề xuất giảm 2% thuế giá trị gia tăng - VAT, vấn đề này chưa có trong chương trình nghị sự để bàn, nhưng phải tính đến khả năng thu ngân sách năm nay thế nào, kích cầu là rất cần thiết. Nếu Quốc hội có biểu quyết thì cũng biểu quyết là đồng ý nhưng không được làm giảm thu ngân sách. Chắc không có cách nào khác. Đây là mệnh lệnh.

Thu chi ngân sách nhà nước thì như thế, chưa nói là cơ cấu thu xuất khẩu giảm đến 11,8%, nhập khẩu thì còn giảm mạnh hơn là 15,4%, trong khi một trong những động lực của nền kinh tế nước ta là xuất khẩu. Xu hướng tới đây như thế nào nữa? Cán cân thương mại thì thặng dư, nhưng khu vực kinh tế trong nước nhập siêu hơn 8 tỷ USD, xuất siêu 14 tỷ USD này chủ yếu là đầu tư nước ngoài; chỉ số giá tiêu dùng bắt đầu có xu hướng tăng 3,84% so với cùng kỳ, nhưng lạm phát cơ bản cao hơn chỉ số giá bình quân.

Khách quốc tế đến Việt Nam tăng 19,2 lần cùng kỳ năm trước nhưng vẫn chỉ bằng 61% so với cùng kỳ của năm 2019, tức là năm chưa xảy ra dịch, chưa là gì cả. Chúng ta mở cửa gần 2 năm rồi nhưng đến bây giờ mới chỉ khoảng 61,7% thôi.

Phải phân tích trên cơ sở số liệu. Đánh giá xu hướng thì rõ ràng các thị trường vẫn đang vướng mắc, doanh nghiệp và người dân đang rất khó khăn.

Phải khắc phục tình trạng né trách nhiệm, sợ sai và không chịu làm

Một trong những nội dung mấy hôm nay các cơ quan Trung ương và các chuyên gia cũng thảo luận là, bây giờ phải phân tích cho rõ nguyên nhân khách quan là gì và chủ quan là gì chứ không phải chỉ kể ra số liệu. Cái nào là bên ngoài, cái nào là bên trong? Chúng ta nói rằng khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi thì phải chứng minh được nhiều hơn ở chỗ nào, từ đó mới có giải pháp.

Phải bám sát Nghị quyết của Quốc hội, các nhóm giải pháp tập trung vào cái gì thì nói cho rõ. Ví dụ, quy hoạch bây giờ còn tắc như thế, quy hoạch chưa có, kế hoạch sử dụng đất sẽ vướng thì làm sao có dự án đầu tư được? Cả tư nhân cũng thế mà Nhà nước cũng thế. Như vậy thì giải pháp phải tập trung nỗ lực hoàn thành các quy hoạch, kế hoạch. So với Nghị quyết của Quốc hội yêu cầu các quy hoạch đến ngày 31/12/2022 là phải xong hết, nhưng đến bây giờ - chậm 4 tháng rồi mới chỉ được có mấy quy hoạch. Quy hoạch cấp tỉnh đến nay đã được bao nhiêu rồi? Quy hoạch tỉnh chưa phê duyệt được thì làm sao người ta làm được?

Chúng ta không nói thẳng vào những chuyện này mà cứ nói ở đâu? Phải tập trung vào những giải pháp mà Nghị quyết Quốc hội đã có rồi, kết luận của Trung ương đã có rồi, bám vào đó, sát sắn vào những nguyên nhân hiện nay.

Hiện nay các chuyên gia, nhà khoa học góp ý nhiều là phải tập trung vào vấn đề cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, siết chặt kỷ luật, kỷ cương công chức và

công vụ. Các đồng chí cứ lấy số liệu của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp (VCCI) ra để thấy, các vấn đề liên ngành như đầu tư xây dựng, đất đai và môi trường qua số liệu điều tra của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là hiệu lực điều hành rất yếu, kể cả cấp Trung ương và địa phương. Những vấn đề có tính liên ngành là doanh nghiệp người ta nói hầu như “ngồi im”. Khi có một văn bản kết luận nào đó hoặc chỉ đạo nào đó của cả cấp địa phương, cấp Trung ương mà còn chung chung thì có hai trường hợp: một là, ngồi chờ chỉ đạo tiếp; hai là, không làm gì.

Các đồng chí có số liệu thì nói thẳng vào chuyện này và trách nhiệm cuối cùng là của người đứng đầu. Đổi mới, sáng tạo, năng động, trách nhiệm là của người đứng đầu. Bây giờ cái gì cũng lấy ý kiến tập thể như thế này rồi thì làm sao? Chúng ta vẫn nói là Nhà nước kiến tạo thì phải đồng hành với người dân và doanh nghiệp. Phải rà soát lại hết tất cả các vấn đề, khởi động lại các cơ chế đã có. Trước đây doanh nghiệp, người dân phản ánh lên, có đầu mối để tiếp thu, kiến nghị lại cái gì, phản hồi lại cái gì, hàng tháng đều có. Bây giờ có kiểm điểm cái này không, đồng hành với doanh nghiệp, với người dân ở chỗ nào, kiến tạo phát triển ở đâu?

Nhà nước nhỏ, xã hội lớn, Chính phủ là Chính phủ kiến tạo, Nhà nước kiến tạo. Hôm qua đã nói rõ rồi, để khắc phục tình trạng một bộ phận, chưa biết là lớn hay nhỏ, nhưng cả Trung ương, địa phương, lẩn tránh trách nhiệm, né tránh trách nhiệm, sợ sai và không chịu làm. Việc đấy có thật, thiếu trách nhiệm, lẩn tránh, đùn đẩy, việc của mình thì đẩy cho người khác, việc cấp dưới thì đẩy cho cấp trên. Những việc này có phải là nguyên nhân chính, nguyên nhân chủ yếu bây giờ không? Chúng ta phải nói thẳng ra, tập trung vào khâu yếu này. Khâu làm thể chế chính sách thì các luật đang làm rất tích cực nhưng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các loại quy hoạch chuyên ngành như Quy hoạch điện VIII phải ban hành sớm thì mới nhanh khắc phục được. Bây giờ tác động vào phía cung là gì, tác động cầu thế nào? Ủy ban Kinh tế cũng phải chốt lọc để viết, trên cơ sở nội dung này nhưng chốt lọc, viết ngắn gọn, sâu.

Chúng ta nhận diện được hết tất cả những thành tựu, kết quả đạt được, những khó khăn. Khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi nhưng phải chỉ ra khó khăn, vướng mắc là gì, tập trung nhiều vào việc họp bàn kỹ, quyết theo từng nhóm vấn đề để giải quyết.

Nguồn: daibieunhandan.vn

CHÚ TRỌNG PHÂN CẤP MẠNH KHI ĐỀ XUẤT THÁO GỖ VƯỚNG MẮC VỀ THỂ CHẾ

Chiều ngày 10/5, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang dẫn đầu đoàn công tác của Chính phủ đã có buổi làm việc với tỉnh Hải Dương, Quảng Ninh và TP. Hải Phòng để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư, xây dựng hạ tầng và xuất khẩu.

Báo cáo của các địa phương tại buổi làm việc cho thấy trong bối cảnh nước ta gặp nhiều khó khăn, trong đó 6 địa phương phát triển mạnh về công nghiệp đều có mức tăng trưởng

thấp thì các tỉnh Hải Dương, Quảng Ninh, và TP. Hải Phòng đều thuộc nhóm các địa phương có tốc độ tăng trưởng cao nhất nước.

Cụ thể, TP. Hải Phòng tăng 9,65%, gấp 2,9% bình quân chung cả nước, đứng thứ 3 cả nước về tốc độ tăng trưởng, đứng đầu vùng Đồng bằng sông Hồng; tỉnh Hải Dương tăng 8,35%, đứng thứ 9 cả nước về tốc độ tăng trưởng, đứng thứ 3 trong vùng Đồng bằng sông Hồng; tỉnh Quảng Ninh tăng 8,06%, đứng thứ 12 cả nước về tốc độ tăng trưởng, đứng thứ 6 trong vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chỉ số sản xuất công nghiệp của 3 địa phương đều tăng so với cùng kỳ, trong đó TP. Hải Phòng tăng 13,37%, tỉnh Hải Dương tăng 10,7%, tỉnh Quảng Ninh tăng 4,7%, tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp chủ lực là thế mạnh của các địa phương như: Chế biến chế tạo, sản xuất và lắp ráp ô tô, đóng tàu và cấu kiện nổi, sản phẩm điện, điện tử,...

Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Kim ngạch xuất khẩu 4 tháng đầu năm của TP. Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh đều tăng so với cùng kỳ, trong đó: Hải Phòng ước đạt 9 tỷ USD, tăng 16,58%; tỉnh Quảng Ninh ước đạt 929 triệu USD, tăng 13,7%. Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Hải Dương có xu hướng giảm (4,5%) do một số mặt hàng chủ lực như may mặc, da giày, thiết bị điện đều giảm.

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài của 3 địa phương đạt 1,06 tỷ USD, chiếm gần 28% tổng số vốn của vùng Đồng bằng sông Hồng, chiếm gần 12% cả nước.

Số doanh nghiệp thành lập mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của 3 địa phương tăng về số lượng so với cùng kỳ là 2.392 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 16.629,8 tỷ đồng.

Về giải ngân vốn đầu tư công, đến nay, chỉ có TP. Hải Phòng đạt tỉ lệ giải ngân là 38,28%, cao hơn bình quân chung cả nước (15,65%) trong khi các tỉnh Hải Dương, Quảng Ninh có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình của cả nước, chỉ đạt khoảng 14% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Đặc biệt, tỷ lệ giải ngân vốn ODA của các địa phương là rất thấp, chỉ đạt 0,04%, trong đó TP. Hải Phòng, tỉnh Hải Dương chưa thực hiện giải ngân vốn ODA.

Lãnh đạo các địa phương cũng báo cáo với đoàn công tác về những tồn tại, vướng mắc ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế của địa phương, trong đó có việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương để triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Việc thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng khi thực hiện một số dự án giao thông đòi hỏi nhiều thời gian thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ chuẩn bị đầu tư dự án.

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường thì việc thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, dù diện tích rất ít, cũng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường làm kéo dài thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

Các địa phương cũng báo cáo về những vướng mắc liên quan đến phòng cháy, chữa cháy, nhà ở cho người lao động trong khu kinh tế, khu công nghiệp; tiếp cận nguồn vốn tín dụng,

trái phiếu của các doanh nghiệp bất động sản khi thực hiện các dự án BOT; cấp phép cho lao động nước ngoài làm việc ở các vị trí nhà quản lý, chuyên gia; việc cung cấp điện cũng như đất sử dụng để san lấp mặt bằng tại các khu công nghiệp...

Tại cuộc họp, lãnh đạo, đại diện các bộ, ngành Trung ương giải đáp những khó khăn, vướng mắc của 3 địa phương đồng thời cập nhật tiếp độ sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật liên quan.

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Thị Bích Ngọc cho biết, những vướng mắc liên quan đến chính sách chính sách nhà ở, giá đất, đấu thầu, phòng cháy, chữa cháy.... theo phản ánh của các địa phương đều đã được đưa vào các dự thảo luật sửa đổi để trình Quốc hội.

Thứ trưởng Bộ Tư pháp Đặng Hoàng Oanh cho hay, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội dự thảo một số nghị quyết nhằm tháo gỡ nhiều nút thắt về thể chế cho các địa phương.

Cụ thể, Chính phủ đã trình dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ vướng mắc liên quan đến đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ, trong đó thí điểm 3 chính sách: Tỷ lệ vốn nhà nước tham gia các dự án đối tác công tư (PPP); giao thẩm quyền cho địa phương làm cơ quan chủ quản, sử dụng vốn ngân sách địa phương đầu tư các dự án quốc lộ cao tốc qua các địa phương; giao cho 1 địa phương quyết định chủ trương đầu tư đối với cả dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách của địa phương này để hỗ trợ vốn cho địa phương khác.

Chính phủ cũng đã trình dự thảo Nghị quyết thí điểm sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình đã có; Nghị quyết về giảm thuế giá trị gia tăng nhằm mục tiêu kích cầu tiêu dùng phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện nay, qua đó thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, sớm phục hồi và phát triển kinh tế.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang thẳng thắn nhìn nhận đất nước phải đối mặt với nhiều thách thức do tình hình thế giới chưa bớt khó khăn, nền kinh tế nước ta có độ mở cao nên dễ bị ảnh hưởng bởi tác động bên ngoài, nhiều nút thắt chưa được giải quyết căn cơ, trong khi doanh nghiệp chưa có đủ năng lực để khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy để đạt được mục tiêu đặt ra cho năm 2023, tất cả các Bộ, ngành, địa phương đều phải nỗ lực lớn, quyết tâm rất cao.

Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh theo Quyết định 435, sẽ có 26 đoàn công tác của Chính phủ đến tất cả các địa phương để khảo sát, nhận diện rõ những quy định còn chưa đồng bộ, chưa thống nhất, còn chồng chéo, hoặc còn thiếu để từ đó điều chỉnh, bổ sung, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện với một tốc độ nhanh hơn để bù đắp cho những khó khăn.

Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan tổng hợp tất cả những khó khăn, vướng mắc của các địa phương từ 26 đoàn công tác, để từ đó phải đề xuất được giải pháp tháo gỡ.

Quá trình tổng hợp, đề xuất giải pháp tháo gỡ phải thực hiện theo các nguyên tắc từng bước, trước mắt tập trung khắc phục tình trạng chồng chéo, chưa đầy đủ về quy định pháp luật; phân cấp mạnh hơn nữa cho các địa phương; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

Trước kiến nghị của tỉnh Quảng Ninh liên quan đến việc quản lý vùng đệm Vịnh Hạ Long, Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải có tổng hợp những khó khăn, vướng mắc từ tất cả các địa phương có vùng đệm các khu di tích, di sản để đưa ra giải pháp khắc phục đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì buổi làm việc giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tỉnh Quảng Ninh về cơ chế cấp điện cho các khu công nghiệp trên tinh thần hài hòa lợi ích giữa hai bên.

Phó Thủ tướng Chính phủ cũng giao Văn phòng Chính phủ trao đổi với các Bộ, ngành để khi ban hành thông báo kết luận cuộc họp hôm nay, có thể nêu thời hạn các bộ, ngành hoàn thành giải quyết một số khó khăn, vướng mắc của địa phương.

Nguồn: baohinhphu.vn

GỠ RỎI ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH

Theo báo cáo, có 4 nhóm vấn đề gặp nhiều vướng mắc trong thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06).

Chiều ngày 08/5, chủ trì cuộc họp về thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06), Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đề nghị đại diện các Bộ, ngành phân tích, chỉ ra những vấn đề, thách thức đang cản trở đề án.

Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, việc hoàn thành các mục tiêu của Đề án 06 là tiền đề hết sức quan trọng để tiến tới vận hành Chính phủ số, đi cùng với xã hội số, kinh tế số, thực hiện thành công chuyển đổi số quốc gia.

Theo báo cáo tại cuộc họp, 4 nhóm vấn đề gặp nhiều vướng mắc trong thực hiện Đề án 06 tại các Bộ, ngành, địa phương là: Pháp lý, hạ tầng công nghệ, dịch vụ công, nguồn lực triển khai Đề án.

Cụ thể, về pháp lý, nhiều Bộ, ngành chưa hoàn thành việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ liên quan đến quản lý dân cư. Việc rà soát sửa đổi các văn bản dưới nghị định còn chậm, chưa công bố để các địa phương thực hiện. Các địa phương chưa chủ động tái cấu trúc theo thẩm quyền thủ tục hành chính. Việc rà soát đề xuất chủ trương miễn, giảm phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến chưa hiệu quả...

Về hạ tầng công nghệ thông tin, cấp bộ chậm thực hiện theo các hướng dẫn về chuyển đổi số, về an ninh an toàn thông tin. Hệ thống thông tin chưa được liên kết đồng bộ, tổng thể, nhiều đơn vị còn có hệ thống phân tán; mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin không đồng đều. An ninh an toàn thông tin chưa được quan tâm đúng mức, chưa ban hành quy trình, quy chế để quản lý khai thác và bảo mật thông tin...

Cùng với những tồn tại tương tự, các địa phương còn chưa đánh giá tổng thể hạ tầng để có kiến trúc tổng thể chuyển đổi số, triển khai hệ thống của các sở, ngành rời rạc, không tập trung được hạ tầng cũng như dữ liệu, dẫn đến việc thực hiện chuyển đổi số không hiệu quả trong các sở ngành, lĩnh vực; chưa quyết liệt trong việc rà soát, bổ sung, đầu tư các thiết bị đầu cuối cần thiết...

Về dịch vụ công của địa phương, việc khai thác thông tin tự động điền biểu mẫu điện tử (eForm) chưa tạo được hiệu ứng tích cực để chuyển đổi trạng thái; chưa trang bị đầy đủ công cụ, phương tiện để người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuận tiện tại các bộ phận 1 cửa.

Trong khi đó, các địa phương thiếu chủ động tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho lực lượng quản trị, vận hành các hệ thống và phổ cập kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản cho cán bộ để có thể sử dụng thành thạo phần mềm.

Nêu giải pháp, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng cho biết, Bộ đang khẩn trương hoàn thành thủ tục ban hành Nghị định quy định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn (thời hạn tháng 7/2023); Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; kiến trúc Chính phủ điện tử 3.0...

“Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ thẩm định chặt chẽ kiến trúc chặt chẽ kiến trúc chính phủ điện tử của các bộ ngành để bảo đảm đồng bộ với kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia; tập trung đánh giá, công bố chất lượng công dịch vụ công trực tuyến các Bộ, ngành, địa phương và mức chi phí triển khai”, ông Dũng nói.

Nhấn mạnh yêu cầu đồng bộ, thống nhất của hạ tầng công nghệ (phần cứng và phần mềm), Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông phải làm rõ cơ chế, phạm vi đầu tư đối với mạng lưới trực đường truyền cấp quốc gia cho đến bộ ngành, địa phương; định mức, đơn giá thuê dịch vụ công nghệ thông tin, ứng dụng, phần mềm (dùng chung, chuyên dụng) trong quản trị dữ liệu.

Bộ Tư pháp phải phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông trong xây dựng luật giao dịch điện tử bao gồm giao dịch giữa chính quyền với công dân và các chủ thể khác; giữa công dân với các chủ thể khác; định hướng về mặt nguyên tắc trong sửa các luật liên quan.

Phó Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, nghiên cứu, đề xuất chính sách đầu tư cho chuyển đổi số vào hạ tầng đường truyền, thiết bị, phần mềm, con người; phương án đấu thầu, lựa chọn nhà thầu dịch vụ công nghệ thông tin khác với những gói thầu vật tư, thiết bị khác dựa trên đặc thù là tài sản, tài nguyên tri thức, mang tính sáng tạo. Bộ Tài chính đề xuất cơ chế mới về thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Nguồn: vov.vn

ĐỀ XUẤT CÁC PHƯƠNG ÁN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW

Bộ Nội vụ đề xuất xây dựng các phương án triển khai đồng bộ các nội dung của chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, gồm: Tăng mức lương thấp nhất của khu vực công bằng mức lương thấp nhất bình quân vùng của khu vực doanh nghiệp; mở rộng quan hệ tiền lương; sắp xếp lại các chế độ phụ cấp và cơ cấu lại tỷ lệ giữa lương cơ bản và phụ cấp; bổ sung quỹ tiền thưởng.

Triển khai đồng bộ các nội dung của chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW

Báo cáo Quốc hội, đại biểu Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết số 75/2022/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, liên quan đến cải cách tiền lương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Bộ đã chủ động tham mưu Thủ tướng Chính phủ xây dựng báo cáo lộ trình thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương theo yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Bộ Nội vụ đã đề nghị các Bộ, cơ quan là thành viên Ban Chỉ đạo báo cáo kết quả và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Đến nay, Bộ Nội vụ nhận được báo cáo của 16/18 Bộ, cơ quan là thành viên Ban Chỉ đạo về thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP (Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW).

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, cơ quan, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện Báo cáo “Kết quả thực hiện và lộ trình triển khai cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”.

Trong đó, Bộ Nội vụ đề xuất xây dựng các phương án triển khai đồng bộ các nội dung của chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, gồm: Tăng mức lương thấp nhất của khu vực công bằng mức lương thấp nhất bình quân vùng của khu vực doanh nghiệp; mở rộng quan hệ tiền lương; sắp xếp lại các chế độ phụ cấp và cơ cấu lại tỷ lệ giữa lương cơ bản và phụ cấp; bổ sung quỹ tiền thưởng.

Tiếp tục điều chỉnh mức lương thấp nhất để bù trượt giá

Đồng thời, Bộ Nội vụ đề xuất phương án điều chỉnh các năm tiếp theo theo hướng tiếp tục điều chỉnh mức lương thấp nhất để bù trượt giá và có phần cải thiện theo mức tăng trưởng GDP cho đến khi đạt mức lương thấp nhất cao hơn mức lương thấp nhất của vùng I (vùng cao nhất) của khu vực doanh nghiệp như mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW). Bộ sẽ dự toán nguồn kinh phí, kế hoạch nhiệm vụ đối với các bộ, cơ quan liên quan.

Cũng theo Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà, Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và các Bộ, ngành liên quan tiến hành sơ kết 5 năm triển khai, thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội năm 2023, kết quả phục hồi kinh tế sau dịch COVID-19 và khả năng cân đối ngân sách nhà nước giai đoạn sau năm 2023, Báo cáo kết quả sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Kinh tế Trung ương, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ và ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, Bộ Nội vụ chủ động xây dựng “Báo cáo lộ trình thực hiện cải cách tổng thể chính sách tiền lương sau năm 2023 theo yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018” trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để các cơ quan của Đảng, Quốc hội và Chính phủ làm căn cứ ban hành các văn bản tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng.

Khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định mới về tăng lương cơ sở

Bên cạnh việc thực hiện Nghị quyết số 75/2022/QH15, trong thời gian chưa thực hiện cải cách tiền lương, Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang gửi Bộ Tư pháp thẩm định để thực hiện tăng lương cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức lên mức 1,8 triệu đồng/tháng từ ngày 01/7/2023.

Đồng thời, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện nhiệm vụ tăng 12,5% lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho đối tượng do ngân sách nhà nước bảo đảm và hỗ trợ thêm đối với người nghỉ hưu trước năm 1995 có mức hưởng thấp;

Tăng mức chuẩn trợ cấp người có công bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo khu vực thành thị và tăng 20,8% chi các chính sách an sinh xã hội đang gắn với lương cơ sở, theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

“Ngày 27/4/2023, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 62/BCTĐ-BTP báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Hiện nay, Bộ Nội vụ đang khẩn trương giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, hoàn thiện Tờ trình và dự thảo Nghị định để trình Chính phủ trong tháng 5/2023”, Bộ Nội vụ cho biết.

Khắc phục tình trạng công chức, viên chức nghỉ việc, thôi việc

Liên quan đến việc khắc phục tình trạng công chức, viên chức có năng lực xin nghỉ việc, thôi việc, Bộ Nội vụ cho biết, tháng 9/2022, Bộ đã có Công văn số 4536/BNV-TCBC gửi các Bộ, ngành, địa phương đề nghị triển khai thực hiện đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp.

Trong đó, có đề nghị quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở; cải thiện môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, cạnh tranh lành mạnh.

Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu, hoàn thiện các quy định về xã hội hóa, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước... làm cơ sở để bộ, ngành, địa phương phê duyệt phương án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Cùng với đó là các chính sách hỗ trợ kịp thời đối với cán bộ, công chức, viên chức có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; xây dựng đội ngũ lãnh đạo, quản lý có năng lực, uy tín.

Đội mới công tác bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức để tạo cơ hội, điều kiện phát triển, nhất là cán bộ trẻ.

Khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức được tham gia học tập nâng cao trình độ, năng lực làm việc thông qua các chương trình, dự án đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.

Quy hoạch, xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, có cơ chế, chính sách thỏa đáng, làm cơ sở định hướng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức...

Triển khai cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW vào thời điểm phù hợp

Hiện, Bộ Nội vụ tiếp tục chủ động nghiên cứu, tham mưu các cấp có thẩm quyền trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước để triển khai thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW vào thời điểm phù hợp theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị.

Tham mưu, đề xuất chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài khu vực công; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Chính phủ và cơ quan chức năng hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng, tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đôn đốc các địa phương thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, sử dụng và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động công vụ, công chức, tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc.

Để có cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền báo cáo Quốc hội về tình trạng thôi việc theo nguyện vọng đối với công chức, viên chức, ngày 26/4/2023, Bộ Nội vụ đã có công văn gửi các bộ, ngành, địa phương đề nghị phối hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Công văn số 4536/BNV-TCBC; đồng thời báo cáo tình hình thôi việc và tuyển dụng mới đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/4/2022.

Nguồn: xaydungchinhsach.chinhphu.vn

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH HẢI QUAN TẠO THUẬN LỢI CHO HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách hải quan luôn được Tổng cục Hải quan xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng hàng đầu, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Trên cơ sở kết quả tích cực đạt được, ngành Hải quan sẽ tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới gắn với thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030.

Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh

Thời gian qua, công tác hoàn thiện thể chế, chính sách luôn được ngành Hải quan chú trọng triển khai, thực hiện hiệu quả. Ngành Hải quan đã tập trung sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát

triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; định hướng cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Chính phủ; tháo gỡ vướng mắc phát sinh; bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước đồng thời tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

Từ năm 2020 đến nay, Tổng cục Hải quan đã chủ trì xây dựng, trình Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền ban hành 26 văn bản quy phạm pháp luật, gồm: 1 nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; 6 nghị định của Chính phủ; 3 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 16 thông tư của Bộ Tài chính. Trong đó, 7 văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung; 17 văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới; 2 văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ.

Nhìn chung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hải quan được ban hành luôn hướng tới mục tiêu cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế. Chất lượng văn bản ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hải quan. Văn bản được ban hành đã bảo đảm về kỹ thuật soạn thảo, sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, nội dung minh bạch, hạn chế tình trạng văn bản vừa mới ban hành đã phải sửa đổi, bổ sung.

Nhờ đó, hệ thống pháp luật hải quan ngày càng hoàn thiện, thủ tục hải quan được đơn giản hóa, tạo cơ sở pháp lý ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa ngành Hải quan, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

Qua đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, bảo đảm nguồn thu ngân sách, phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.

Xây dựng, hoàn thiện thể chế theo hướng hiện đại, minh bạch

Đặc biệt, trong năm 2022, Tổng cục Hải quan đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 20/5/2022. Chiến lược được ban hành đã tạo tiền đề để ngành Hải quan tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Ngành, trong đó có hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật.

Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030 đã xác định mục tiêu tiếp tục xây dựng nền tảng pháp luật về Hải quan hiện đại, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng, triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh. Các quy định pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có sự gắn kết thống nhất.

Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, chống thất thu, gian lận thuế. Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng minh bạch, đơn giản, thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực và khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) nhằm giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục thông quan, giải phóng hàng.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, ngành Hải quan sẽ triển khai xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về hải quan hiện đại, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, phù hợp với các cam kết quốc tế.

Trong đó, trọng tâm là xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Hải quan; xây dựng mô

hình Hải quan số, Hải quan thông minh, Biên giới thông minh, Hải quan xanh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu...

Cùng với đó là rà soát, kiến nghị sửa đổi hệ thống pháp luật về quản lý và kiểm tra chuyên ngành để thực hiện Đề án Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng tiếp tục đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan, các chế độ quản lý hải quan theo chuẩn mực của WCO, tạo nền tảng để tái thiết kế các quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

Theo Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế (Tổng cục Hải quan) Trần Thị Thúy Hòa, cơ quan hải quan sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật ngay từ khi xây dựng, phân tích chính sách để kịp thời thông tin đến doanh nghiệp; lấy ý kiến tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học, các đơn vị hải quan địa phương để bảo đảm văn bản quy phạm pháp luật được ban hành có tính khả thi; chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong xây dựng thể chế.

Chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật cũng tiếp tục được chú trọng, nâng cao. Theo đó, tăng cường thu hút chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ hoạt động thực tiễn có kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn sâu, công tâm, khách quan trong quá trình xây dựng pháp luật trong lĩnh vực hải quan.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.**

Trên cơ sở đánh giá việc thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện các quy định về vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, Bộ Nội vụ xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP gồm 5 Chương và 30 Điều.

Bộ Nội vụ đề xuất một số nội dung mới của dự thảo Nghị định so với Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP bao gồm: a) Sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc xác định vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; b) Sửa đổi quy định về trình tự phê duyệt biên chế công chức từ hằng năm thành “05 năm” để phù hợp với quy định quản lý biên chế tại Quy định số 70-QĐ/TW và việc thẩm định; c) Sửa đổi, bổ

sung thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thẩm định, giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; d) Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền, trách nhiệm việc điều chuyển biên chế công chức, số lượng người làm việc giữa các Bộ, ngành hoặc giữa Bộ, ngành với địa phương hoặc giữa Bộ, ngành, địa phương với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước; Quyết định điều chuyển biên chế công chức làm việc ở nước ngoài giữa nước này sang nước khác; đ) Bổ sung thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ, ngành, địa phương; e) Bổ quy định các Bộ, ngành, địa phương không gửi kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc theo quy định thì sẽ bị xem xét tỷ lệ tinh giản biên chế cao hơn 1% với tỷ lệ giảm biên chế theo lộ trình hàng năm; g) Bổ sung quy định trách nhiệm hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính; h) Bổ sung trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ, ngành, địa phương.

Không căn cứ vào biên chế hiện có của cơ quan để xây dựng danh mục vị trí việc làm

Dự thảo Nghị định nêu rõ nguyên tắc xác định vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp. Theo đó, việc xác định vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp phải tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; phù hợp với phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực từ trung ương đến địa phương.

Bảo đảm tính thống nhất, liên thông từ trung ương đến cấp huyện; đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp với quản lý và sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn.

Kế thừa các vị trí việc làm có ngạch công chức chuyên ngành theo quy định của pháp luật; vị trí việc làm lãnh đạo quản lý; nghiệp vụ chuyên ngành; hỗ trợ, phục vụ đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực. Mỗi vị trí việc làm phải gắn với một chức danh, ngạch công chức, ngạch viên chức và nội dung công việc cụ thể.

Không căn cứ vào biên chế hiện có của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng danh mục vị trí việc làm. Gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định cũng nêu rõ căn cứ xác định vị trí việc làm, biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

1. Căn cứ xác định vị trí việc làm: a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Căn cứ xác định biên chế công chức, biên chế sự nghiệp: a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm, trừ vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ; b) Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin; c) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp được giao; d) Đối với cơ quan, tổ chức hành chính ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c Khoản 2 còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Căn cứ xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp: Danh mục vị trí việc làm; mức độ phức tạp của công việc đối với từng vị trí việc làm; tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với vị trí việc làm.

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến của Nhân dân vào dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.**

Theo Bộ Nội vụ, Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đã quy định về việc đại biểu Hội đồng nhân dân khi không còn sự tín nhiệm của nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm.

Tại Điều 102 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm.

Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành. Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo trình tự do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Bộ Nội vụ cũng cho biết, trên thực tế, khi có trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân vi phạm nghiêm trọng thì các địa phương thường đưa ra Hội đồng nhân dân bãi nhiệm. Việc Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đã được tiến hành đúng quy định của pháp luật, được cử tri và nhân dân đồng tình. Trong khi đó, việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân chưa thực hiện được do chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, cách thức tiến hành.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân là cần thiết, làm cơ sở triển khai thực hiện trên thực tế và phù hợp với quy định của Hiến pháp và của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng gồm 6 Chương, 29 Điều. Trong đó, quy định rõ nguyên tắc thực hiện việc cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Theo đó, việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân

được tiến hành ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu hoặc ở đơn vị bầu cử nơi đại biểu đã chuyển đến sinh hoạt.

Cuộc bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được công nhận hợp lệ khi có quá nửa tổng số cử tri trong danh sách cử tri tại đơn vị bầu cử tham gia bỏ phiếu. Ngày bỏ phiếu phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 60 ngày trước ngày bỏ phiếu bãi nhiệm.

Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc đưa ra đề cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và công bố ngày bỏ phiếu bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tại dự thảo Tờ trình Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân, Bộ Nội vụ xin ý kiến Chính phủ về 02 phương án quy định tại Khoản 4 Điều 24 (Biên bản xác định kết quả bỏ phiếu bãi nhiệm) của dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

Phương án 1: Đại biểu Hội đồng nhân dân bị bãi nhiệm khi có ít nhất hai phần ba tổng số phiếu hợp lệ của cử tri ở đơn vị bãi nhiệm đồng ý bãi nhiệm.

Phương án 2: Đại biểu Hội đồng nhân dân bị bãi nhiệm khi có quá nửa tổng số phiếu hợp lệ của cử tri ở đơn vị bãi nhiệm đồng ý bãi nhiệm.

Căn cứ việc đại biểu Hội đồng nhân dân bị Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành quy định tại Khoản 3 Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đồng thời, do việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân là vấn đề hệ trọng liên quan đến quyền và trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành tại đơn vị bầu cử nơi đại biểu được bầu hoặc nơi đại biểu đến sinh hoạt, vì vậy Bộ Nội vụ đề nghị lựa chọn phương án 1.

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến Nhân dân vào dự thảo hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và hội.**

Theo đó, đối tượng áp dụng, gồm: 1. Cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. 2. Viên chức hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. 3. Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, biệt phái đến làm việc tại các hội, tổ chức phi Chính phủ, dự án và cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 4. Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐCP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên

trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. 5. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng hoạt động phí theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

Các đối tượng sau đây cũng thuộc phạm vi áp dụng Thông tư này khi tính toán xác định mức đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ liên quan đến tiền lương theo quy định của pháp luật: a) Cán bộ, công chức, viên chức đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng (trong nước và ngoài nước) thuộc danh sách trả lương của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động; b) Người đang trong thời gian tập sự hoặc thử việc (kể cả tập sự công chức cấp xã) trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động; c) Cán bộ, công chức, viên chức đang bị tạm đình chỉ công tác, đang bị tạm giữ, tạm giam; d) Các trường hợp làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được ký kết hợp đồng lao động theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

*** Bộ Công an đề xuất đối với sĩ quan, hạ sĩ quan có hạn tuổi phục vụ cao nhất dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ thì tăng ngay 2 tuổi, không theo lộ trình.**

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân do Bộ Công an chủ trì xây dựng sẽ được xem xét, cho ý kiến, thông qua tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tới đây. Một trong những nội dung sửa đổi, bổ sung của dự án Luật là quy định về việc tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất đối với công nhân công an, sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân.

Cụ thể, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân đã bổ sung quy định và tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất của công nhân công an (nam tăng 2 tuổi, nữ tăng 5 tuổi); tăng 2 tuổi của sĩ quan, hạ sĩ quan. Riêng nữ sĩ quan có cấp bậc hàm Đại tá tăng 5 tuổi, nữ sĩ quan có cấp bậc hàm Thượng tá tăng 3 tuổi; nữ sĩ quan cấp Tướng thì vẫn giữ nguyên 60 tuổi như hiện hành. Thời gian tăng tuổi theo lộ trình, mỗi năm tăng 3 tháng đối với nam và 4 tháng đối với nữ. Riêng sĩ quan, hạ sĩ quan có hạn tuổi phục vụ cao nhất dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ thì tăng ngay 2 tuổi, không theo lộ trình nêu trên.

Thời điểm tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất bắt đầu từ ngày 01/01/2021 (mốc thời gian để tính toán số tháng tăng thêm tại thời điểm bắt đầu có hiệu lực, không phải là thời điểm có hiệu lực của quy định về tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất), theo đúng thời điểm có hiệu lực thi hành của Bộ luật Lao động nhưng không áp dụng đối với trường hợp đã nghỉ công tác trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Giao Chính phủ quy định cụ thể lộ trình tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất của sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an cho phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động.

Về lộ trình tăng tuổi đối với sĩ quan có hạn tuổi phục vụ cao nhất từ 60 tuổi trở lên (đối với nam), từ 55 tuổi trở lên (đối với nữ), công nhân công an thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động, tức là mỗi năm tăng 3 tháng đối với nam, 4 tháng đối với nữ.

Riêng đối với sĩ quan, hạ sĩ quan có hạn tuổi phục vụ cao nhất dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ thì tăng ngay 2 tuổi, không theo lộ trình nêu trên vì hiện nay, hạn tuổi phục vụ cao nhất của cán bộ, chiến sĩ có cấp bậc hàm Trung tá, Thiếu tá, Cấp úy và Hạ sĩ quan thấp hơn nhiều so với mức hạn tuổi phục vụ cao nhất trong Công an nhân dân và quy định của Bộ luật Lao động (Hạ sĩ quan: 45; Cấp úy 53; Thiếu tá, Trung tá: Nam 55, nữ 53).

Do đó, để thu hẹp khoảng cách về hạn tuổi phục vụ cao nhất giữa cán bộ, chiến sĩ có cấp bậc hàm nêu trên so với người lao động, Chính phủ đề nghị áp dụng tăng ngay 2 tuổi mà không theo lộ trình của Bộ luật Lao động...

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: KIỂM TRA, KHẢO SÁT TÌNH HÌNH, TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06

Trong năm 2022, được sự quan tâm, giúp đỡ, hướng dẫn thường xuyên, kịp thời của Tổ công tác 06 Chính phủ, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành trong việc triển khai thực hiện Đề án 06, chính quyền các cấp TP. Hà Nội đã nhận thức nghiêm túc, sâu sắc, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các biện pháp, giải pháp để huy động sự vào cuộc, thực hiện của các cấp, các ngành, tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 06 Thành phố đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng tiến độ.

Nhằm đánh giá thực trạng công tác chỉ đạo điều hành thực hiện Đề án 06, việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2022, đặc biệt là việc triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp và việc xây dựng các cơ sở dữ liệu của TP. Hà Nội, Ban Chỉ đạo 06 thành phố vừa ban hành Kế hoạch kiểm tra, khảo sát tình hình, tiến độ triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn thành phố. Thông qua công tác kiểm tra, ghi nhận những khó khăn, vướng mắc, bất cập; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp tháo gỡ, đồng thời biểu dương, nhân rộng các cách làm hay, hiệu quả; khen thưởng các đơn vị thực hiện tốt, chấn chỉnh những đơn vị còn nhiều tồn tại, hạn chế, yếu kém trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

Công an thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố là 02 cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo 06 thành phố được giao chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra.

Đoàn kiểm tra thành phố sẽ thực hiện kiểm tra trong thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 10/2023 đối với các sở, ngành trực tiếp thực hiện việc cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 20/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai các nhiệm vụ Đề án 06 năm 2023 trên địa bàn thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn. Phương pháp kiểm tra: Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra trực tiếp tại cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan, đơn vị tiến hành tự kiểm tra và báo cáo tình hình, kết quả về Ban Chỉ đạo 06 thành phố; Đoàn kiểm tra có thể thực hiện việc kiểm tra đột xuất tại một số cơ quan, đơn vị khi có phản ánh hoặc nhận thấy cần thiết.

Nội dung kiểm tra tại các đơn vị bao gồm: công tác chỉ đạo điều hành; tình hình, tiến độ triển khai cụ thể tại 54/KH-UBND ngày 17/3/2022 và Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 20/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố kết quả tiếp nhận, giải quyết hồ sơ các dịch vụ công thiết yếu; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất.

Trong đó, các đơn vị được kiểm tra cần tập trung báo cáo kết quả triển khai các nhiệm vụ được phân công: (1) Công tác thông tin, tuyên truyền Đề án 06/CP đối với người dân, cơ quan, doanh nghiệp: Kết quả; các hình thức, nội dung tuyên truyền và phản ánh của người

dân... (2) Việc nghiên cứu, rà soát, tham gia góp ý, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, hoàn thiện chính sách pháp luật; xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. (3) Công tác triển khai ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ 05 nhóm tiện ích: Nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; Nhóm phục vụ phát triển công dân số; Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; Nhóm tiện ích phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp. (4) Rà soát, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị; hạ tầng đường truyền kết nối; yêu cầu về bảo mật, chữ ký số... phục vụ việc triển khai. Việc bố trí nhân lực thực hiện, tổ chức tập huấn đào tạo; dự kiến khi hoàn thành việc kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan đơn vị sẽ cắt giảm được bao nhiêu nhân lực. (5) Việc truy cập hệ thống, thao tác đăng ký tài khoản, gửi hồ sơ trên Cổng dịch vụ công của công dân và tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của cán bộ; Quy trình nghiệp vụ từ bước tiếp nhận đến bước trả kết quả; về xác thực, số hóa và lưu trữ thông tin, tài liệu do người dân cung cấp. (6) Kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành mình với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, Cổng Dịch vụ công Thành phố phục vụ triển khai dịch vụ công. Việc tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công Thành phố. (7) Việc triển khai thanh toán phí, lệ phí (trực tuyến, trực tiếp), tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (qua bưu chính công ích, trực tiếp người dân đến nhận; trả kết quả điện tử, kết quả giấy) người dân ưu tiên lựa chọn phương thức nào. (8) Việc đảm bảo dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống” và cấp Căn cước công dân gắn chip, định danh và xác thực điện tử (Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện). (9) Việc thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Hồng Hải, Sở Nội vụ TP. Hà Nội

HÀ NỘI: THÀNH ỦY BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI VỀ ĐIỀU ĐỘNG, BỔ NHIỆM CÁN BỘ

Cán bộ bị kỷ luật thì không phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách; 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo; 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

Đây là một trong những nội dung trong Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08/5/2023 của Thành ủy Hà Nội về “Quản lý cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử” do đồng chí Đinh Tiến Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy ký ban hành.

Quy định số 12-QĐ/TU nhằm cụ thể hóa các quy định mới của Trung ương; thay thế Quy định số 04-QĐ/TU ngày 11/8/2021 của Thành ủy Hà Nội về quản lý cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và các quy định trước đây trái với quy định này.

Quy định số 12-QĐ/TU gồm 7 Chương, 39 Điều. Ngoài các quy định chung, văn bản mới nêu rõ các quy định cụ thể về phân cấp quản lý cán bộ; bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử; bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; điều động, biệt phái và chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ; miễn nhiệm, cho từ chức và bố trí cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức...

Quy định còn bao gồm 3 phụ lục nêu cụ thể về các chức danh, chức vụ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; Quy trình xem xét miễn nhiệm, cho từ chức và bố trí cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý sau khi miễn nhiệm, từ chức.

Đáng chú ý, Quy định số 12-QĐ/TU nêu rõ trách nhiệm, mối quan hệ của các cơ quan trong công tác cán bộ.

Theo đó, căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác cán bộ, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội (có thành lập Đảng đoàn) ở thành phố; Ban Thường vụ Thành đoàn Hà Nội; tập thể thường trực các tổ chức: Liên minh Hợp tác xã, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Hội Chữ thập đỏ, Hội Nhà báo thành phố lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc bầu cử hoặc bổ nhiệm cán bộ vào các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức.

Các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ.

"Không một tập thể hoặc cá nhân nào được thay đổi hoặc không thực hiện đúng quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy. Trường hợp đặc biệt cần thay đổi, phải được Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định, báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý", Quy định nêu rõ.

Khi thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cơ quan hiệp quản cấp thành phố do bộ, ban, ngành trung ương quản lý, Ban Thường vụ Thành ủy tham gia ý kiến để Đảng đoàn, Ban cán sự đảng hoặc lãnh đạo các Bộ, ban, ngành trung ương xem xét, quyết định.

Trường hợp có ý kiến khác nhau, Đảng đoàn, Ban Cán sự đảng, lãnh đạo Bộ, ban, ngành trung ương quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Theo Quy định số 12-QĐ/TU, cấp ủy, tổ chức Đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

Việc này còn phải bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ, đảng viên đang bị xem xét, xử lý kỷ luật.

Quy định có 7 mục về “Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn”. Trong đó, ngoài bảo đảm các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn chức danh theo quy

định, cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn phải không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

Cán bộ này còn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 2 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Cán bộ bị kỷ luật thì không phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian như sau (tính từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực): 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách; 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo; 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

Cũng theo Quy định số 12-QĐ/TU, chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ phải xem xét, báo cáo và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc xin chủ trương bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ.

Nguồn: kinhtedothi.vn

ĐÀ NẴNG: 72% HỒ SƠ ĐƯỢC NỘP QUA MẠNG ĐIỆN TỬ

Ngày 08/5, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng làm việc về thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Theo báo cáo, hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện 109 thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; liên hiệp hợp tác xã; lĩnh vực đầu tư... Sở ban hành các kế hoạch, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng giao về công tác cải cách hành chính. Công tác tham mưu xây dựng và thi hành văn bản quy phạm pháp luật được quan tâm chú trọng.

Việc rà soát, thẩm định để ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý của ngành được thực hiện đúng quy định, nghiêm túc, chặt chẽ; xử lý đúng quy trình tại đơn vị đối với các thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa”; thường xuyên rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở. Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính sớm và đúng hạn đạt 98,9%. 100% hồ sơ thủ tục hành chính tiếp tục duy trì cấu hình dịch vụ công trực tuyến.

Đến nay, tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, hồ sơ được nộp qua mạng điện tử chiếm hơn 72% hồ sơ. Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, tồn tại như công tác phối hợp giữa các đơn vị chưa bảo đảm thời gian theo quy định; hạ tầng công nghệ thông tin chưa được đáp ứng toàn diện và thiếu tính đồng bộ; việc thao tác xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính TP. Đà Nẵng còn chậm, kéo dài thời gian chờ đợi cho công dân, gây khó khăn cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ; việc thực hiện kiểm tra, giám sát doanh nghiệp sau đăng ký thành lập còn hạn chế...

Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng Lương Công Tuấn ghi nhận kết quả đạt được trong thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu

tư; chia sẻ những khó khăn, vướng mắc. Thời gian tới, đề nghị sở tiếp tục phát huy kết quả đạt được, có giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế; tích cực phối hợp các sở, ngành, đơn vị để đẩy mạnh công tác cải cách hành chính đạt kết quả cao hơn, nhằm hướng đến cải thiện các Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ cải cách hành chính (PAR Index) của TP. Đà Nẵng.

Nguồn: baodanang.vn

HẢI DƯƠNG: NHIỀU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành các quyết định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các Sở: Tư pháp, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Lao động, Thương binh và Xã hội, Công Thương.

Cụ thể, Sở Tư pháp có 32 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của sở do Bộ Tư pháp ban hành, gồm 1 thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, 15 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, 16 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

Sở Giáo dục và Đào tạo có 1 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ở lĩnh vực tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (cấp tỉnh giải quyết) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Sở Giao thông vận tải có 1 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi, chức năng quản lý của sở trong lĩnh vực đăng kiểm do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường có 13 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của sở do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Trong đó có 11 thủ tục cấp tỉnh giải quyết, 2 thủ tục cấp huyện giải quyết. Bãi bỏ 10 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (8 thủ tục cấp tỉnh giải quyết, 2 thủ tục cấp huyện giải quyết).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 1 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội (cấp xã giải quyết) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của sở do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành.

Sở Công Thương có 5 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực quản lý cạnh tranh, dịch vụ thương mại thuộc phạm vi, chức năng quản lý của sở do Bộ Công Thương ban hành. Phê duyệt 5 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý cạnh tranh và bãi bỏ 5 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý cạnh tranh.

Trước đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định công bố bổ sung 1 thủ tục hành chính mới lĩnh vực đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; bãi

bỏ 2 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Ngày 20/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương có Chỉ thị về tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn. Yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thường xuyên rà soát đơn giản hóa, kiểm soát thủ tục hành chính đúng theo quy định; chủ động rà soát các quy định về thủ tục hành chính, kịp thời cập nhật danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, công bố thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định...

Nguồn: baohaiduong.vn

HÒA BÌNH: BỀN BỈ, QUYẾT LIỆT CẢI THIỆN CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Đầu tháng 4 vừa qua, Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) chính thức công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022. Theo bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tỉnh Hòa Bình đứng thứ 53/63 tỉnh, thành phố với tổng điểm 62,81 điểm, tăng 9 bậc so với năm 2021. Kết quả này phản ánh sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đặt mục tiêu mỗi năm tăng 3 bậc trên bảng xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh. Nghị quyết Đại hội xác định cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là một trong những đột phá chiến lược nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2020 - 2025. Tuy nhiên, năm 2021 - năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh rơi xuống vị trí 62/63 tỉnh, thành phố và thuộc nhóm được đánh giá thấp.

Cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh là trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đặt ra mục tiêu: Năm 2022, thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh tăng 3 bậc, thuộc nhóm điều hành khá; các Chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đều được cải thiện tăng điểm số và thứ hạng tăng tối thiểu 3 bậc so với năm 2021.

Theo đó, nhiều giải pháp đồng bộ đã được tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt. Cả hệ thống chính trị vào cuộc với quyết tâm xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã bổ sung nhiều cơ chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi, bình đẳng cho các thành phần kinh tế phát triển. Đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...

Bên cạnh đó, một trong những nhiệm vụ xuyên suốt mà các cấp, các ngành đã nỗ lực triển khai là liên tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Những giải pháp trên đã tạo được niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022, tỉnh Hòa Bình có 7/9 chỉ số thành phần tăng điểm so với năm 2021. Điều này đã được ghi nhận trong báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam: "Xu hướng chung Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 đã có sự chuyển biến về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, gánh nặng về chi phí thời gian thực hiện các thủ tục hành chính giảm xuống, tiếp cận về đất đai và sử dụng đất đai được thuận lợi hơn".

Đã có bước chuyển biến tích cực nhưng chưa thể bằng lòng, vì Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Hòa Bình còn ở top cuối - đó là nhận định chung của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và các sở, ngành tại cuộc họp đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 vừa qua. Theo phân tích, năm 2023 - năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong bối cảnh kinh tế - xã hội đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Chính vì vậy, để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tiến tới thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, tiếp tục đòi hỏi sự bền bỉ và quyết liệt trong tiến trình nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Trong đó, những giải pháp thúc đẩy sản xuất - kinh doanh, đảm bảo môi trường chính sách an toàn cho doanh nghiệp phát triển được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và cần chỉ đạo mạnh mẽ nhằm nỗ lực thực thi trong thời gian tới.

Nguồn: baohoaabinh.com.vn

NGHỆ AN: THỐNG NHẤT CHỦ TRƯỞNG THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CẤP HUYỆN

Đó là một trong những nội dung Thông báo Kết luận của Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh tại phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Nghệ An.

Ngày 11/4/2023, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh đã họp phiên thứ nhất để thông qua quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh; thông qua các dự thảo: Quy chế làm việc, Thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên, Kế hoạch công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo.

Sau khi nghe Sở Nội vụ - cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo trình bày các dự thảo và ý kiến phát biểu của các thành viên dự họp, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Thái Thanh Quý, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo, kết luận:

Thứ nhất, thống nhất thông qua dự thảo các văn bản: Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Thông báo phân công nhiệm vụ và Kế hoạch công tác năm

2023 của Ban Chỉ đạo. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu tiếp thu, hoàn thiện, trình ký, ban hành.

Thứ hai, thống nhất chủ trương thành lập ban chỉ đạo cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành và địa phương cấp huyện, do đồng chí thủ trưởng các sở, ban, ngành và bí thư cấp ủy làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Thứ ba, giao Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ban hành trong Kế hoạch công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ, thời gian đề ra.

Thứ tư, giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa, nội dung, kết quả triển khai công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An, nhất là Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 5/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thông báo để Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, các cơ quan, đơn vị, địa phương và các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện.

Nguồn: baonghean.vn

HÀ TỈNH: QUYẾT LIỆT THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Cùng với cả nước, tỉnh Hà Tĩnh quyết liệt thực hiện chuyển đổi số, trong đó, một số nội dung quan trọng đã được triển khai như: thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, ban hành quy chế hoạt động; triển khai tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh...

Tìm hiểu về việc triển khai chuyển đổi số tại địa phương, phóng viên Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam đã có cuộc trao đổi với Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Nguyễn Hồng Lĩnh về vấn đề này.

Phóng viên: Xin đồng chí cho biết những kết quả cụ thể của việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh thời gian qua?

Đồng chí Nguyễn Hồng Lĩnh: Báo cáo của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh, các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 18/KH-BCĐ ngày 18/4/2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 09/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cơ bản đã được phối hợp tổ chức thực hiện. Tính đến cuối 2022, 19/34 đầu việc đã hoàn thành, 12 đầu việc đã và đang tiếp tục thực hiện đến hết năm, còn 3 đầu việc chưa triển khai thực hiện. Khoảng 98% vùng dân cư đã phủ sóng di động 4G, cáp quang đến 100% xã; còn một số vùng dân cư chất lượng Internet di động 4G kém hoặc chưa có. Dự kiến năm 2023, thực hiện xóa 100% vùng “lỗm” sóng. Tỷ lệ thuê bao di động đạt 94,3 thuê bao/100 dân; internet băng rộng có

định đạt khoảng 12,8 thuê bao/100 dân. Năm 2022, đã phát triển thêm mới 87 trạm thu phát sóng BTS. Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đang được nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đang ngày càng tăng của các cơ quan nhà nước. Về chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, 100% văn bản gửi nhận giữa các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, 95% giữa cơ quan cấp xã với các cơ quan cấp tỉnh và huyện (trừ các văn bản mật) được thực hiện qua môi trường mạng. 100% cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, ứng dụng đồng bộ chữ ký số. Thực hiện kinh tế số, xã hội số, Cục Thuế tỉnh đã phối hợp các ngành, địa phương và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai ứng dụng hóa đơn điện tử; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã chỉ đạo tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế; 100% các huyện, thành phố, thị xã đã ban hành kế hoạch triển khai tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn... Về đô thị thông minh, hệ thống Giám sát và Điều hành thông minh tỉnh (IOC) đã được triển khai, gồm 7 phân hệ cơ sở dữ liệu.

Hiện, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm như: tiếp tục thực hiện kế hoạch về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Tĩnh phiên bản 2.0; triển khai ứng dụng hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dùng chung cấp tỉnh, kết nối liên thông với nền tảng tích hợp và chia sẻ quốc gia; tuyên truyền về hoạt động chuyển đổi số của doanh nghiệp...

Căn cứ Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 với mục tiêu tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về “Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” và Đề án “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025”, tỉnh cũng đang từng bước xây dựng, phát triển chính quyền số trên phạm vi toàn tỉnh, thúc đẩy cải cách hành chính, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

Tới đây, các thành viên Ban Chỉ đạo, các đơn vị, địa phương tập trung thực hiện quyết liệt công tác chuyển đổi số và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong thời gian tới.

Phóng viên: Lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh đánh giá thế nào về những kết quả bước đầu của chuyển đổi số tại Hà Tĩnh và tỉnh có những quyết sách gì để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

Đồng chí Nguyễn Hồng Lĩnh: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 về phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025” để tạo tiền đề cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Qua hơn 01 năm triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU và Quyết định số 424/QĐ-UBND, tỉnh Hà Tĩnh đã đạt một số kết quả đáng ghi nhận, cụ thể:

Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số.

Hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống nền tảng được bảo đảm; các tuyến cáp quang, trạm thu phát sóng di động 2G, 3G, 4G được phát triển; vận hành nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

Hệ thống các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được duy trì, bảo đảm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của các ngành, địa phương.

100% các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có Cổng/trang thông tin điện tử. Điều hành, tác nghiệp trực tuyến được duy trì đồng bộ. Các hệ thống phần mềm chuyên ngành thường xuyên được triển khai.

Hệ thống một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công được triển khai đồng bộ, liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Hệ thống Giám sát và Điều hành thông minh tỉnh Hà Tĩnh (IOC) được triển khai. Xây dựng đề cương nhiệm vụ Đề án thí điểm mô hình đô thị thông minh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Ủy ban nhân dân TP. Hà Tĩnh và Ủy ban nhân dân TX. Kỳ Anh.

Ngày hội chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh được tổ chức với nhiều hoạt động có ý nghĩa. Tổ chức đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh được triển khai đến tận cấp thôn/tổ dân phố.

Phóng viên: Thừa đồng chí, với những hiệu quả trên, tỉnh sẽ có những quyết sách cụ thể tiếp theo như thế nào để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

Đồng chí Nguyễn Hồng Lĩnh: Trên cơ sở kết quả đạt được vừa qua, đồng thời tiếp tục quyết liệt triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh chúng tôi xác định, tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Kế hoạch số về Chuyển đổi số của tỉnh Hà Tĩnh.

Song song với đó là tiếp tục triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh: Vận hành có hiệu quả hệ thống LGSP, kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương vào hệ thống; triển khai Cổng dữ liệu và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh...

Bên cạnh đó, nghiên cứu, xây dựng một số chính sách về chuyển đổi số như: Chính sách cho Tổ chuyển đổi số cộng đồng, chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số, chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, khai thác dịch vụ công trực tuyến;... rà soát, hoàn thiện các chiến lược, kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Ngoài ra, xây dựng Đề án thí điểm mô hình đô thị thông minh tại thành phố Hà Tĩnh và thị xã Kỳ Anh, từng bước phát triển các nền tảng, dịch vụ đô thị thông minh và trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp huyện.

Phóng viên: Xin cảm ơn đồng chí.

Nguồn: dangcongsan.vn

QUẢNG TRỊ: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH LÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG CỦA TẤT CẢ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Hôm nay 09/5, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Võ Văn Hưng chủ trì hội nghị phân tích, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022.

Nhiều chỉ số tụt bậc, giảm thứ hạng

Năm 2022, tỉnh Quảng Trị đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt thực hiện các giải pháp nâng cao các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, công tác chỉ đạo, điều hành đã có những chuyển biến mạnh mẽ và tích cực. Công tác cải cách tổ chức bộ máy cũng được tập trung đẩy mạnh triển khai thực hiện, đồng thời ghi nhận sự chuyển biến tích cực của công tác cải cách thể chế, cải cách tài chính công và triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số.

Tỉnh Quảng Trị đã tập trung giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, hài lòng, thúc đẩy thành phần kinh tế tư nhân phát triển. Tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch các thông tin, quy trình, thủ tục hành chính cho người dân biết để chung tay thực hiện; tôn trọng người dân, tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia xây dựng chính quyền.

Đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian, thành phần hồ sơ các thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, đăng ký kinh doanh, cấp phép xây dựng. Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của ngành, địa phương; triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

Năm 2022, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Quảng Trị đạt 82,70/100 điểm, chỉ số đạt 82,70%, xếp thứ 52/63 tỉnh/thành, tăng 1 bậc so với năm 2021 và thuộc nhóm B. Chỉ số SIPAS đạt 76,43%, xếp thứ 55/63 tỉnh/thành, giảm 9 bậc so với năm 2021.

Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh đạt tổng điểm 41,7742, xếp thứ 37/63 tỉnh/thành, thuộc nhóm các tỉnh đạt điểm trung bình thấp trong cả nước (giảm 0,634 điểm so với năm 2021 và tụt 9 bậc trong bảng xếp hạng của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Riêng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 chỉ đạt 61,26 điểm (giảm 2,07 điểm so với năm 2021), xếp hạng thứ 59/63 tỉnh/thành (giảm 18 bậc so với năm 2021).

Trong 10 chỉ số thành phần của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có 4 chỉ số tăng điểm, 6 chỉ số giảm điểm; 3 chỉ số tăng thứ hạng, 1 chỉ số giữ nguyên thứ hạng và 6 chỉ số giảm thứ hạng so với năm 2021. Ngoài ra, trong năm 2022, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp

Việt Nam đã bỏ sung đánh giá chỉ số mới là Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI), tỉnh đạt 13,49 điểm, xếp thứ hạng 53/63 tỉnh/thành trên cả nước.

Doanh nghiệp cần sử dụng pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc

Tham gia Hội nghị, các đại biểu đã tập trung phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đặc biệt là các chỉ số sụt giảm thứ hạng so với năm 2021. Phân tích, làm rõ những nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng sụt giảm thứ hạng, từ đó tập trung thảo luận, rút ra các bài học kinh nghiệm, đề ra những giải pháp cụ thể nhằm tạo sự bứt phá hơn về điểm số và thứ hạng các chỉ số của tỉnh trong năm 2023.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Hoàng Nam phân tích làm rõ những nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến kết quả của các chỉ số, đồng thời đưa ra một số giải pháp cần triển khai trong thời gian tới.

Đó là cần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của các sở, ban, ngành, trong đó lưu ý đến cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, cần có thiết chế kết nối giữa các sở, ngành để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc giải quyết các thủ tục hành chính. Đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các chỉ số.

Cần tiếp tục quan tâm đến công tác chuyên đổi số, minh bạch, công khai các thông tin về quy hoạch, chính sách thu hút, công khai các thông tin cho doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin liên quan đến quy trình, thủ tục cấp phép triển khai các dự án đầu tư. Tuyên truyền để doanh nghiệp có thói quen sử dụng pháp luật như một công cụ để giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò giám sát của mặt trận, các đoàn thể và cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện các chỉ số.

Để nâng cao hiệu quả thực hiện các chỉ số, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Hà Sỹ Đồng đề nghị các ngành, địa phương tự rà soát lại các nội dung liên quan đến việc thực hiện các chỉ số, từ đó xây dựng kế hoạch cụ thể trong thực hiện cải cách hành chính.

Cần nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức ở bộ phận một cửa trong quá trình tiếp nhận hồ sơ của người dân, doanh nghiệp... Trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành, doanh nghiệp, tỉnh Quảng Trị sẽ có kế hoạch thực hiện đối thoại doanh nghiệp trong Quý II/2023.

Đưa công tác cải cách hành chính vào xem xét đánh giá cán bộ và xếp loại đơn vị

Kết luận hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Võ Văn Hưng cho rằng, để khắc phục những tồn tại, hạn chế và cải thiện các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh năm 2023 và các năm tiếp theo, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, yêu cầu các sở, ngành, địa phương cần phát huy vai trò trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, thực hiện đảm bảo yêu cầu nâng cao hiệu lực,

hiệu quả trong công tác thực hiện cải cách hành chính, đáp ứng sự hài lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Đối với các sở, ngành có chỉ số nằm ở top cuối chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị để xem xét đánh giá công tác cán bộ và xếp loại của cơ quan, đơn vị, đồng thời tăng cường kiểm tra, bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện...

Xem việc thực hiện cải cách hành chính là nhiệm vụ quan trọng, xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ của tất cả cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị và chính quyền các cấp. Trên cơ sở kết quả các chỉ số được công bố năm 2022, giao Sở Nội vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư nêu rõ những chỉ số cụ thể với các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện và có bản cam kết để khắc phục, cải thiện các chỉ số.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị, tùy theo chức trách, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực, địa phương cần đề ra cách giải quyết cụ thể trong thực hiện các chỉ số nhằm đạt hiệu quả cao hơn. Cần nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác điều hành; quan tâm đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp làm công tác cải cách hành chính.

Đề nghị các cấp, ngành và cả hệ thống chính trị nâng cao quyết tâm, đồng sức, đồng lòng, đóng góp trí tuệ, sức lực để phấn đấu cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo.

Nguồn: baoquangtri.vn

KHÁNH HÒA: CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở DOANH NGHIỆP CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN

Hiện nay, việc triển khai chuyển đổi số trong doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó có nhận thức. Giải pháp cho vấn đề này, ngoài vai trò chủ đạo của Nhà nước thì doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức và xây dựng chiến lược chuyển đổi số.

Theo Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Tin học tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Tri Huy, chuyển đổi số là vấn đề thời sự toàn cầu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn chưa sẵn sàng chuyển đổi số. Cụ thể, theo Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), hiện nay, doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam chiếm khoảng 97% tổng số doanh nghiệp, trình độ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo còn thấp, có từ 80% đến 90% máy móc sử dụng trong các doanh nghiệp Việt Nam là nhập khẩu, gần 80% là những công nghệ cũ từ thập niên 1980 - 1990. Nguyên nhân chậm chuyển đổi số trong doanh nghiệp bởi nhiều thách thức từ công nghệ, vốn đến nhận thức. Chuyển đổi số chính là việc ứng dụng công nghệ vào mọi hoạt động của doanh nghiệp nên đòi hỏi trình độ rất cao về kỹ thuật cũng như nhân lực. Trong khi đó, đầu tư cho chuyển đổi số đòi hỏi nguồn vốn lớn và tác động lớn đến chiến lược kinh doanh, hình thức hoạt động của doanh nghiệp nhưng các nhà quản trị còn nhiều băn khoăn đến tính hiệu quả.

Năm 2021, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tập trung vào 3 nội dung là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cũng ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, tỉnh Khánh Hòa đề ra các mục tiêu cao hơn so với mức trung bình của cả nước, như: Phần đầu đến năm 2025, có 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động, trong khi mục tiêu này của cả nước là 80%; 100% đơn vị nhà nước thuộc tỉnh và trên 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh chuyển dịch lên nền tảng số, trong khi cả nước chưa có mục tiêu này; tỷ lệ dân số trong tỉnh có điện thoại thông minh đạt trên 80%.

Thực tế cho thấy, tại tỉnh Khánh Hòa và Việt Nam, trước khi xảy ra đại dịch COVID-19, rất nhiều khâu trong hoạt động của doanh nghiệp đã được ứng dụng công nghệ số, như: Thanh toán điện tử trong mua hoặc bán hàng; sử dụng mạng xã hội trong các chiến dịch marketing; các phần mềm quản lý kho hàng, giao nhận trong hoạt động logistics; dịch vụ điện toán đám mây trong quản trị nội bộ hay thương mại điện tử trong bán hàng... Khi đại dịch COVID-19 xuất hiện, với những hạn chế tiếp xúc và việc thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội đã buộc các doanh nghiệp phải thích ứng nhiều hơn các công nghệ số. Trong một số hoạt động, dịch COVID-19 đã khiến tỷ lệ các doanh nghiệp ứng dụng các công nghệ số cao gần bằng tỷ lệ doanh nghiệp đã ứng dụng trong thời gian dài trước đây, cụ thể như trong quản lý nhân sự từ xa, hội nghị trực tuyến, học trực tuyến, phê duyệt nội bộ...

Theo ông Huy, để đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp, Nhà nước cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp lý đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số; công bố quy hoạch ngành về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. Trên cơ sở đó, ban hành các quy chuẩn trao đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị để tạo sự liên kết, đồng bộ trong quá trình đầu tư và phát triển hạ tầng dựa vào ứng dụng công nghệ thông tin. Mặt khác, thời gian tới, cần tiếp tục phát triển hạ tầng số, đặc biệt là triển khai mạng di động 5G; hình thành và tổ chức điều phối mạng lưới chuyên gia tư vấn về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo, tư vấn chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; hỗ trợ ứng dụng giải pháp công nghệ cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Về phía doanh nghiệp, trước hết cần lên ý tưởng và có chiến lược chuyển đổi số phù hợp với mục tiêu kinh doanh. Khi đã sẵn sàng về ý tưởng, chiến lược và con người thì bắt đầu tập trung đầu tư vào công nghệ. Doanh nghiệp cần áp dụng công nghệ số để từng bước kết nối các hệ thống hiện có thành một hệ thống thông tin xuyên suốt từ kinh doanh đến các nghiệp vụ quản trị trong doanh nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu chung trong toàn bộ doanh nghiệp; áp dụng công nghệ số mới để bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho dữ liệu của doanh nghiệp...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐỒNG THÁP: TĂNG TỐC PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

Theo đó, về phát triển kinh tế số, mục tiêu trong năm 2023 là có trên 55% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử; 100% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt; hỗ trợ ít nhất 50 doanh nghiệp vừa và nhỏ trải nghiệm các nền tảng chuyển đổi số; 100% sản phẩm thuộc chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử...

Về phát triển xã hội số, trong năm 2023 đặt mục tiêu có trên 80% thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh; trên 80% hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cố định; 40% dân số có kiến thức số, kỹ năng số cơ bản. Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60% và có 70% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở; 83% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử; 90% hộ gia đình có địa chỉ Vpostcode...

Qua đó, giải pháp để đạt mục tiêu trên được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xác định đó là nhân rộng việc thành lập các tổ công nghệ số cộng đồng đối với các huyện, thành phố; tiếp tục nâng cao các vai trò của các đơn vị, địa phương trong phát triển kinh tế số, xã hội số tương ứng với thế mạnh của từng ngành, từng địa phương phát huy tối đa lợi thế tạo nên giá trị cao góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với đó, tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ trong việc phát triển, ứng dụng các nền tảng số có chất lượng cao trong các lĩnh vực: thông tin - truyền thông, nông nghiệp, văn hóa, cải cách hành chính, du lịch. Đồng thời, tiếp tục tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho người dân qua việc ứng dụng các nền tảng số. Tăng cường ứng dụng công nghệ: dữ liệu lớn, kết hợp các công nghệ mới, mã nguồn mở trong nghiên cứu các nền tảng số dùng chung.

Bên cạnh đó, hỗ trợ các doanh nghiệp trong ứng dụng chuyển đổi số, đưa công nghệ vào quá trình vận hành, quản lý doanh nghiệp...

Nguồn: baodongthap.vn

LONG AN: TIẾP TỤC CẢI THIỆN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Năm 2022, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh Long An có sự bứt phá, xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là thành quả từ sự nỗ lực của các sở,

ngành, địa phương trong tinh đối với công tác lãnh, chỉ đạo, điều hành, đưa ra nhiều giải pháp đổi mới nhằm cải thiện mạnh mẽ PAR Index.

Tăng 14 hạng so với năm 2021

Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ vừa công bố Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2022, tỉnh Long An vinh dự được xếp hạng 8/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về Chỉ số cải cách hành chính với 87,42 điểm, tăng 14 hạng so với năm 2021 (87,20 điểm, hạng 22). Tỉnh Quảng Ninh tiếp tục ở vị trí dẫn đầu về Chỉ số cải cách hành chính với 90,1 điểm; tiếp đó là TP. Hải Phòng, TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Giang. Đặc biệt, năm 2022, tỉnh Long An nỗ lực vươn lên vị trí dẫn đầu về Chỉ số cải cách hành chính các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; tiếp đó là các tỉnh Hậu Giang và Đồng Tháp.

Thông tin từ Sở Nội vụ, để có mặt trong top 10 về Chỉ số cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2022. Qua đó, tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế để cải thiện và nâng cao điểm số xác định Chỉ số cải cách hành chính trên tất cả lĩnh vực theo Bộ Chỉ số do Bộ Nội vụ ban hành. Đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An yêu cầu phải phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; tăng cường sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân trong quá trình triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính; tập trung cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông"; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng trả hồ sơ (HS) bổ sung nhiều lần gây phiền hà cho người dân, tổ chức, tình trạng thành phần hồ sơ, thu phí, lệ phí không đúng quy định;...

Năm 2022, công tác cải cách thủ tục hành chính được tỉnh Long An triển khai, thực hiện liên tục, có trọng tâm, trọng điểm và mang lại hiệu quả thiết thực. Tỉnh có 42 phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với 42 thủ tục thuộc 20 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của 16 sở, ngành tỉnh. Toàn tỉnh tiếp nhận 987.406 hồ sơ thủ tục hành chính; giải quyết 967.527 hồ sơ (trong đó, giải quyết trước hạn 55,19%; đúng hạn 44,43% và quá hạn 0,39%). Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số được tỉnh tập trung thực hiện, góp phần phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành cũng như phục vụ ngày càng tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

Điểm nổi bật Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Long An có các chỉ số thành phần về công tác chỉ đạo, điều hành đứng hạng 6/63 tỉnh, thành phố; cải cách chế độ công vụ đứng hạng 7/63 tỉnh, thành phố; cải cách thể chế đứng hạng 12/63 tỉnh, thành phố; cải cách tổ chức bộ máy đứng hạng 14/63 tỉnh, thành phố; xây dựng chính quyền điện tử đứng hạng 17/63 tỉnh, thành phố;...

Cần tiếp tục cải thiện

Bên cạnh kết quả đã đạt, Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh còn một vài chỉ số thành phần trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ ban hành đạt thấp như cải cách tài chính công đứng hạng 32/63 tỉnh, thành phố; cải cách thủ tục hành chính đứng hạng 55/63 tỉnh, thành phố;... Theo đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, nguyên nhân là công tác

chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính có lúc, có nơi chưa sâu sát; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện công tác cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa được nâng cao;...

Theo Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trần Hải Tuấn, để tiếp tục cải thiện Chỉ số cải cách hành chính trong năm 2023, với vai trò là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Long An, Sở Nội vụ sẽ đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả cải cách hành chính, cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính gắn với việc chấm điểm, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành, địa phương; đồng thời, quan tâm đề xuất khen thưởng đối với những địa phương, cơ quan, đơn vị có mô hình, sáng kiến, cách làm hay nhằm cải thiện các Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Phát biểu tại Hội nghị trực tuyến tổng kết và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An Nguyễn Văn Út yêu cầu các sở, ngành, địa phương phải nghiêm túc khắc phục tồn tại, hạn chế; thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, trình tự thủ tục trong công tác cải cách hành chính. Đặc biệt, người đứng đầu phải xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cơ quan, đơn vị; tiếp tục thực hiện cắt giảm tối thiểu thời gian giải quyết thủ tục hành chính ở tất cả lĩnh vực; thực hiện ứng xử văn hóa qua thư xin lỗi người dân, doanh nghiệp, tổ chức đối với hồ sơ trễ hẹn; tiếp tục xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc, đánh giá quá trình thực hiện cải cách hành chính.

Nguồn: baolongan.vn

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CHUYÊN NGHIỆP, CÓ NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đã nhấn mạnh một trong những trọng tâm của cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước. Đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa thường xuyên và lâu dài, đòi hỏi phải được nghiên cứu, đưa ra các giải pháp có tính khả thi cao để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Trong giai đoạn 2011 - 2020, chính sách, pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được hoàn thiện theo hướng liên thông, đồng bộ trên tất cả các khâu từ tuyển dụng, sử dụng, bố trí, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, thăng hạng. Trong đó, trọng tâm là triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Cụ thể, Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 06/6/2018 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW. Trên cơ sở đó, Bộ Nội vụ và các bộ quản lý công chức, viên chức chuyên ngành đã ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản pháp luật về quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Qua đó, đảm bảo cho chính sách, pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

Tính đến năm 2021, số lượng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước là 247.344 biên chế (trong đó khối bộ, ngành là 106.836 biên chế; địa phương là 140.508 biên chế), giảm được 27.504 biên chế, tương ứng giảm 10,01% so với năm 2015, đạt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo yêu cầu của Nghị quyết số 39-NQ/TW. Biên chế sự nghiệp năm 2021 là 1.783.174 người (trong đó khối bộ, ngành là 116.698 người; địa phương là 1.666.476 người), giảm 242.703 biên chế, tương ứng giảm 11,98% so với năm 2015, đạt mục tiêu giảm tối thiểu 10% theo yêu cầu của Nghị quyết số 39-NQ/TW. Số biên chế và tinh giản biên chế nêu trên chưa bao gồm số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố có 1.031.851 người, giảm 147.290 người so với năm 2015, tương ứng 12,49%. Cụ thể, cán bộ, công chức cấp xã hiện có 226.210 người, giảm 30.398 người so với năm 2015, tương ứng giảm 11,85%; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là 171.894 người, giảm 57.698 người so với năm 2015, tương ứng giảm 25,13%;

người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố là 633.747 người, giảm 59.194 người so với năm 2015, tương ứng giảm 8,54%(1).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm chú trọng thường xuyên. Nếu như trong giai đoạn 2011 - 2015, tổng số cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng là gần 2.900.000 lượt người, trong đó bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ là 1.870.000 lượt người, đạt tỷ lệ gần 65% tổng số lượt cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng; thì đến giai đoạn 2016 - 2020 (tính đến tháng 3/2020), đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 5,4 triệu lượt cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, có khoảng 697.036 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị; 447.181 lượt người được bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước và khoảng hơn 4,2 triệu lượt người được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ (gấp hơn 2,3 lần so với giai đoạn 2011-2015).

Theo báo cáo của các bộ, ngành và địa phương, tính đến tháng 3/2020, tổng số lượt công chức được đào tạo, bồi dưỡng trong cả giai đoạn 2016 - 2020 tại các Bộ, ngành là 594.654 lượt người và tại các tỉnh, thành phố, số lượng là hơn 1.151.654 triệu lượt công chức. Tổng số viên chức tại các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố được đào tạo, bồi dưỡng cũng tăng đều qua các năm. Năm 2019 có số lượng viên chức được đào tạo, bồi dưỡng tăng gấp 2,7 lần so với năm 2016, từ hơn 419.000 lên hơn 1,1 triệu lượt viên chức(2).

Riêng đối với công chức cấp xã, nếu như năm 2015, tổng số cán bộ, công chức cấp xã có 234.061 người, bình quân 21 người/xã (trong đó, cán bộ cấp xã có 116.043 người, công chức cấp xã có 118.018 người), thì đến tháng 4/2020, tổng số cán bộ, công chức cấp xã có 234.617 người, bình quân 21 người/xã (trong đó, cán bộ cấp xã có 113.672 người, công chức cấp xã có 120.945 người). Theo thống kê đến năm 2018, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ công chức cấp xã như sau: sau đại học là 3,23%; đại học là 58,23%; trung cấp, cao đẳng là 37,86%; sơ cấp và chưa qua đào tạo là 0,89 %. Về trình độ chính trị: cử nhân là 1,02%; cao cấp lý luận là 3,11%; trung cấp lý luận là 48,9%; sơ cấp và chưa qua đào tạo, bồi dưỡng là 28,07%(3).

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở nước ta có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức rèn luyện, phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đa số cán bộ lãnh đạo Đảng và hệ thống chính trị các cấp có năng lực, phẩm chất, uy tín, nhất là cán bộ cấp chiến lược có tư duy đổi mới, có năng lực hoạch định đường lối, chính sách và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế cần được khắc phục, đó là: đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng lớn, nhưng chất lượng chưa đồng đều; vẫn còn tình trạng vừa thừa, vừa thiếu ở nhiều nơi; sự liên thông giữa các cấp, các ngành còn hạn chế... Nhiều cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế(4). Chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức một số nơi chưa cao, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp chưa đạt yêu cầu, còn có biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu, việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính chưa nghiêm.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một số cán bộ cấp chiến lược thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Tình trạng chạy chức, chạy quyền... chậm được ngăn chặn, đẩy lùi.

Ở một số cơ quan, đơn vị, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn tùy tiện trong lề lối làm việc, nặng về hành chính, quan liêu; thói cửa quyền, hách dịch của một bộ phận cán bộ tồn tại khá lâu đã làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước, làm giảm hiệu quả công việc. Thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp còn chuyển biến chậm; thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng; bộc lộ yếu kém trong giao tiếp, ứng xử. Quy trình giải quyết công việc còn kéo dài; sự phối hợp còn thiếu chặt chẽ; sử dụng thời gian làm việc chưa hợp lý, hiệu quả chưa cao. Kỷ luật, kỷ cương tuy bước đầu được tăng cường nhưng thực tế có lúc có nơi còn lỏng lẻo, tùy tiện.

Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ

Một là, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói riêng vừa là định hướng, vừa là giải pháp cơ bản nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện về công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của Đảng, siết chặt kỷ luật, kỷ cương gắn với tạo môi trường, cơ chế thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, sáng tạo và bảo vệ cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới; thông qua hoạt động thực tiễn; đặt trong tổng thể của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng đội ngũ cán bộ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trước hết là của các cấp ủy, tổ chức đảng mà nòng cốt là các cơ quan tham mưu của Đảng, nhất là cơ quan tổ chức, cán bộ. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và người dân; các cơ quan báo chí, truyền thông trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ.

Hai là, hoàn thiện chiến lược xây dựng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với tình hình mới. Cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện thể chế pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, nghiên cứu xây dựng Luật Công vụ và Luật Đạo đức công vụ làm cơ sở cho hoạt động thực thi công vụ, nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức gắn với việc xây dựng chuẩn mực và đề cao đạo đức công vụ. Đồng thời, nghiên cứu đổi mới hình thức tuyển chọn, bổ nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức để khắc phục việc tuyển dụng hiện nay còn ít tính cạnh tranh và chưa tuyển dụng được những người thực tài, chuyên môn giỏi vào đúng vị trí việc làm; cần đổi mới việc xây dựng và mô tả công việc của từng vị trí việc làm cụ thể làm cơ sở cho công tác tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức.

Cần nghiên cứu xây dựng các tiêu chí rõ ràng, minh bạch về yêu cầu công việc đối với từng vị trí việc làm trong từng bộ phận, trong mỗi cơ quan, đơn vị làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức. Từ đó, điều chỉnh các vị trí việc làm phù hợp với năng lực, trình độ; xây dựng chế độ khen thưởng, kỷ luật, quy hoạch, bổ nhiệm một cách công khai, công bằng, tạo động lực phấn đấu thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng và thực hiện chế độ trách nhiệm rõ ràng trong hoạt động công vụ để khắc phục một trong những nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém của nền hành chính là do giới hạn của quyền lực và phạm vi trách nhiệm đối với từng ngành, từng cơ quan, đơn vị, từng bộ phận và từng cán bộ, công chức, viên chức chưa rõ ràng, minh bạch.

Ba là, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Hiện nay, năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở nhiều nơi còn hạn chế, một bộ phận chưa đáp ứng được những yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, thiếu những kỹ năng cần thiết để quản lý lãnh đạo và thực thi công vụ, đặc biệt trong các tình huống, bối cảnh phức tạp. Việc thi hành công vụ nhiều lúc còn thụ động, thiếu tính chuyên nghiệp, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước cũng như hiệu quả cung ứng dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Vì vậy, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, trang bị kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đạt hiệu quả. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hiện nay đối với các cấp, các ngành và địa phương, đặc biệt trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số và phát triển nhanh chóng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cần đổi mới cả nội dung và phương pháp để giúp phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo khung năng lực, theo chức danh và vị trí việc làm. Cụ thể, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng theo nhu cầu; kỹ năng xử lý tình huống; tiến hành bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức, kỹ năng về quản trị điện tử, quản trị hiện đại, kỹ năng làm việc khoa học với các thiết bị công nghệ hiện đại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc. Tuy nhiên, để có thể thực hiện hiệu quả công tác chuyên môn trong quá trình thực thi công vụ, đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trau dồi về trình độ chuyên môn, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và xử lý công việc một cách khoa học, hiệu quả.

Bốn là, nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đây là một trong những nội dung quan trọng trong quy trình quản lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tác động trực tiếp đến việc chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Thực tiễn cho thấy, không ít trường hợp, trong quá trình công tác, một phần do thiếu tu dưỡng, rèn luyện, một phần thiếu kiểm tra, giám sát chặt chẽ, không được quản lý tốt đã dần bị tha hóa, biến chất. Mặt khác, qua công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động công vụ sẽ giúp phát hiện kịp thời những thiếu sót, khuyết điểm, những sai phạm để có biện pháp giáo dục, điều chỉnh, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động công vụ nói chung. Cùng với đó, phát

huy vai trò kiểm tra, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đối với cán bộ, công chức, viên chức. Quá trình kiểm tra, giám sát cần phải chú trọng tính toàn diện, kịp thời cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức và kết quả hoạt động chuyên môn, sinh hoạt tư tưởng, quản lý và kiểm tra chế độ học tập, tự rèn luyện của cán bộ, công chức, viên chức; kết hợp chế độ kiểm tra thường xuyên, theo định kỳ với kiểm tra đột xuất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

ThS. Phan Thị Tuyết Minh, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, tỉnh An Giang

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Bộ Nội vụ, Báo cáo số 135/BC-BNV ngày 11/01/2021 về Tổng kết công tác ngành Nội vụ giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021.

(2), (3) Chính phủ, Báo cáo số 128/BC-CP ngày 19/4/2021 về Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng giai đoạn 2021 - 2030.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2018, tr.47.

CÔNG CHỨC NGHỈ VIỆC: BỘ NỘI VỤ RẤT TRẦN TRỞ

Theo Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, tình trạng công chức, viên chức rời khỏi khu vực công là vấn đề rất trần trở. Chúng ta phải rất quan tâm đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện hữu, trực tiếp là phải có chế độ chính sách về tiền lương, cải thiện được thu nhập.

Tinh giản biên chế mới đạt chỉ tiêu về số lượng

Chủ trương tinh giản biên chế đã được Bộ Chính trị xác định từ rất sớm. Qua 6 năm thực hiện (từ 2016 - 2021), Bộ Chính trị đánh giá đã đạt mục tiêu về tỷ lệ tinh giản khi biên chế công chức giảm 10,01% và biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách giảm 11,67% so với năm 2015.

Trao đổi trên TTXVN, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho rằng, để đáp ứng yêu cầu của các nghị quyết Trung ương là tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cần phải thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ. Đây là một mục tiêu dài hạn.

Trong Tờ trình dự thảo nghị định mới về tinh giản biên chế, Bộ Nội vụ có đề cập đến chi tiết "có ý kiến cho rằng việc tinh giản biên chế thời gian qua chủ yếu giảm số người về hưu, thôi việc, nghỉ việc, chỉ giảm những người "tinh" (có đủ năng lực tham gia khu vực tư) mà chưa thực sự gắn với việc đánh giá xếp loại hoàn thành công việc".

Vậy, phải chăng chúng ta chưa thực sự giảm được những người "chưa tinh"? Nói rõ hơn về vấn đề này, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Theo báo cáo của 20 Bộ, ngành và 49 địa phương, tổng số người thực hiện chính sách tinh giản biên chế từ năm 2014 đến ngày 30/6/2022 là 64.869 người.

Trong đó, số tinh giản do đánh giá hàng năm không hoàn thành nhiệm vụ là 34.194 người (chiếm 52,71%); do chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo là 10.174 người (chiếm 15,68%).

Tinh giản do cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức theo vị trí việc làm là 5.240 người (chiếm 8,08%); dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, đơn vị hành chính là 10.020 người (chiếm 5,45%); do chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao là 2.811 người (chiếm 4,33%) và do sức khỏe không đảm bảo là 2.430 người (chiếm 3,75%).

Từ số liệu phân tích trên, có thể thấy, số người tinh giản biên chế do đánh giá hàng năm không hoàn thành nhiệm vụ chiếm tỷ lệ cao nhất (52,71% so với số người tinh giản biên chế từ năm 2014 đến nay).

Qua đó có thể khẳng định rằng, kết quả bước đầu đạt được của chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ là đã đưa ra khỏi đội ngũ những người không đáp ứng được yêu cầu công việc nhằm cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên

chức, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí và tạo môi trường làm việc lành mạnh để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tiết kiệm, giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương.

Tuy nhiên, đúng như một số ý kiến, quả thật so với mục tiêu, yêu cầu đề ra, kết quả tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021 mới đạt về chỉ tiêu số lượng mà chưa thực sự gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đây cũng chính là nội dung báo cáo đánh giá của Bộ Nội vụ về thực trạng chính sách tinh giản biên chế, trên cơ sở đó sẽ kiến nghị, đề xuất với Chính phủ các giải pháp chính sách khi xây dựng Nghị định về chính sách tinh giản biên chế (thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP) trong thời gian tới.

Tinh giản biên chế là "không thể đảo ngược"

Theo Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một mục tiêu dài hạn, để đạt được cần phải thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ và gắn với từng giai đoạn, bối cảnh cụ thể.

Có thể thấy rằng, tinh thần "không thể đảo ngược" của chủ trương tinh giản biên chế đã được Đảng, Quốc hội, Chính phủ thống nhất cao cả về nhận thức và hành động.

Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành các nghị quyết, kết luận chuyên đề về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế (Kết luận số 63-KL/TW về một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Kết luận số 28-KL/TW về xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị; Kết luận số 40-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026,...); trong đó đặt ra các nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu tổng quát và cụ thể cho từng giai đoạn (giai đoạn 2015 - 2021, sau đó là 2022 - 2026...).

Theo đó, Quốc hội, Chính phủ đã quán triệt, tập trung thể chế hóa các chủ trương của Đảng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật, trong đó có các chính sách về tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà khẳng định: Đến nay, chúng ta đã đạt được những kết quả bước đầu khá tích cực và tôi tin tưởng rằng, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Đồng thời phát huy tinh thần trách nhiệm, quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, xây dựng lộ trình, kế hoạch, đề ra biện pháp cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện, trong thời gian tới chúng ta sẽ đạt được mục tiêu mà các nghị quyết, kết luận của Đảng đã đề ra.

Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức vẫn là khâu yếu

Nói về tình trạng có trường hợp cán bộ, công chức, viên chức muốn nghỉ hưu, thôi việc nhưng lại không thuộc đối tượng tinh giản biên chế nên họ lựa chọn làm việc với hiệu quả

không cao để "được" đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ nhằm thực hiện tinh giản biên chế (nêu trong tờ trình), Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nêu rõ: Thời gian qua, công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng thẳng thắn mà nói vẫn là "khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, không ít trường hợp còn cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến" như đã được Trung ương đánh giá trong Nghị quyết số 26-NQ/TW.

Tình trạng này xuất phát từ việc đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức chưa đúng thực chất nên việc triển khai áp dụng chính sách tinh giản biên chế ở nhiều nơi chưa đúng mục tiêu đưa ra khỏi đội ngũ những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện và không đáp ứng được yêu cầu công việc nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức.

Điều này đặt ra yêu cầu cơ quan quản lý, sử dụng công chức, viên chức phải chịu trách nhiệm đánh giá, xếp loại và phải giải quyết đúng người, đúng việc, như vậy mới lựa chọn được chính xác đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế để đưa ra ngoài bộ máy.

Khi đánh giá, phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và sản phẩm đầu ra. Nếu chúng ta đánh giá theo cảm tính hoặc những chỉ tiêu mang tính chất định tính thì việc tinh giản biên chế sẽ khó khăn hơn.

Làm gì để giữ chân công chức, viên chức ở lại khu vực công?

Về giải pháp gì để giữ chân công chức, viên chức ở lại khu vực công hoặc giải quyết thỏa đáng cho quá trình cống hiến của họ ở cơ quan nhà nước, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà bày tỏ: Bộ Nội vụ cũng rất trăn trở với vấn đề này.

Tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, Bộ Nội vụ, Chính phủ cũng đã báo cáo Quốc hội về tình trạng công chức, viên chức xin nghỉ việc, chuyển việc (trong đó có sự dịch chuyển công chức, viên chức trong khu vực công sang làm việc tại khu vực tư).

Đồng thời, Bộ Nội vụ cũng đề xuất các giải pháp (trước mắt và lâu dài), các cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ, trọng dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo Bộ trưởng, đứng ở góc độ cơ quan quản lý cũng như cơ quan sử dụng, chúng ta phải rất quan tâm đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện hữu, trực tiếp là phải có chế độ chính sách về tiền lương, cải thiện được thu nhập.

Vừa rồi, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành nghị định điều chỉnh mức lương cơ sở, có hiệu lực từ ngày 01/7/2023. Đây là một phần để chúng ta góp phần cải cách tiền lương, cũng như tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho đội ngũ.

Phần nữa, chúng ta phải đẩy mạnh mức độ tự chủ về tài chính để tạo cho đơn vị sự nghiệp tăng thêm nguồn thu, từ đó có phần cải thiện thu nhập cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh đó, ngoài vấn đề thu nhập, cơ quan quản lý, sử dụng phải tạo cho cán bộ, công chức, viên chức có một môi trường làm việc rất tốt, có cơ hội cống hiến, và khi họ cống hiến rồi, chúng ta phải có trách nhiệm ghi nhận, động viên, khen thưởng, khích lệ kịp thời.

Ngoài ra, cũng phải có chính sách quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ sớm, từ xa để tạo nguồn lãnh đạo cho đội ngũ công chức lãnh đạo quản lý trong tương lai.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho rằng: Thời gian tới, khi Chính phủ thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW; ban hành các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài khu vực công; hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng, tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động công vụ, công chức,... chúng ta sẽ xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, đủ về số lượng, có chất lượng và cơ cấu hợp lý, gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

'SỢ SAI THÌ TỐT NHƯNG SỢ ĐẾN MỨC THIỂU TRÁCH NHIỆM, KHÔNG CHẠY VIỆC THÌ RẤT ĐÁNG SỢ'

Trưởng ban Công tác đại biểu Nguyễn Thị Thanh nói rằng cán bộ sợ sai nhưng sợ đến mức thiếu trách nhiệm và không chạy việc thì rất đáng sợ. Tình trạng này đang phổ biến.

Có khoản vay lãi suất lên tới 18%

Bà Nguyễn Thị Thanh cho hay có 2/15 chỉ tiêu của năm 2022 không đạt, đó là chỉ tiêu về tốc độ năng suất lao động xã hội và tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP. Đây là 2 chỉ tiêu khá quan trọng trong cấu thành về chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế.

Bà Thanh cũng thông tin về những khó khăn, thách thức xuất hiện vào cuối năm 2022, trong đó tập trung vào vấn đề lãi suất ngân hàng tăng cao, lãi suất huy động đầu vào tăng dẫn đến lãi suất đầu ra cho vay tăng mạnh.

“Có những tổ chức tín dụng đã áp dụng mức lãi suất lên tới 14%, thậm chí cá biệt có những khoản vay là 18%; xuất khẩu sụt giảm, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu đơn hàng, sản xuất cầm chừng và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu; giá xăng dầu, nguyên vật liệu tăng mạnh”, bà Thanh nêu.

Ngoài ra, theo bà Thanh, vấn đề trái phiếu doanh nghiệp và khó khăn trong lĩnh vực bất động sản đã tạo ra những áp lực lớn. Thậm chí xuất hiện tình trạng tập trung khiếu kiện đông người, mất ổn định cần xử lý và giải pháp khắc phục.

Bà Thanh nhận xét, 3 tháng đầu năm 2023 bối cảnh thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, bấp bênh, bất định. Các chuyên gia nhận định tốc độ tăng trưởng GDP Quý 2 dự báo cũng sẽ khó khăn hơn rất nhiều. Điều này đặt ra thách thức rất lớn đối với Việt Nam và đối với Chính phủ trong việc điều hành kinh tế vĩ mô ở các quý tiếp theo.

“Theo như tính toán, nếu như chúng ta phấn đấu đạt 6,5% cho cả năm theo mục tiêu đề ra thì các quý tiếp theo phải là 6,7%, 7,5% và 7,9%. Chúng ta thấy rằng tính khả thi của tốc độ tăng trưởng của các quý như thế này là vô cùng khó khăn”, bà Thanh đánh giá.

Theo bà Thanh, trong thời gian nghỉ lễ, du lịch nội địa rất tốt nhưng giá vé máy bay rất cao. Người dân thấy cao quá họ không đi. Do đó, rất nhiều địa phương dự kiến đón khách nhiều hơn nhưng bị giảm lượng khách do vấn đề liên quan đến giá vé máy bay mà các hãng hàng không đã tăng giá.

Bệnh sợ trách nhiệm đang... lan truyền

Nêu một số khó khăn cho thời gian tới, bà Thanh cho hay các thị trường bất động sản, vốn trái phiếu doanh nghiệp thì vào thời điểm phải đáo hạn sẽ gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc cần phải tiếp tục tháo gỡ; nhiều vụ án lớn đã bị truy tố, dẫn đến niềm tin của nhà đầu tư cũng bị xói mòn; việc giải ngân đầu tư công mà triển khai 3 chương trình mục tiêu quốc gia thì cũng còn nhiều khó khăn và đạt kết quả chưa như mong muốn.

“Công tác cải cách hành chính và kỷ cương chưa hiệu quả. Có tình trạng làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm. Sợ sai thì tốt nhưng sợ sai đến mức thiếu trách nhiệm và không chạy việc thì rất đáng sợ. Đương nhiên là phải sợ sai rồi, nhưng sợ trách nhiệm và làm việc cầm chừng là một trong những tình trạng đang khá phổ biến, có tính chất lan truyền”, bà Thanh nhấn mạnh.

Bà Thanh cũng nói cần khẩn trương ban hành nghị định quy định về khuyến khích bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung. Vừa rồi Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 280/CĐ-TTg cũng cần bổ sung vào trong báo cáo này việc thực hiện công điện. Công điện số 280/CĐ-TTg quy định trong tháng 5 này phải báo cáo rõ những chuyển biến, những tiến bộ, những nơi làm không tốt.

“Trong Công điện số 280/CĐ-TTg nêu rất rõ là những trường hợp đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm thì phải được xử lý. Tôi rất mong trong thời gian tới xử lý được một số trường hợp đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm để giải quyết câu chuyện cầm chừng và sợ trách nhiệm hiện nay đang khá phổ biến ở các địa phương, các ngành”, bà Thanh nói.

Theo bà Thanh, phải thẳng thắn đi vào những vấn đề thực chất liên quan đến câu chuyện về tình trạng làm việc cầm chừng hiện nay, việc đùn đẩy "đá qua đá lại".

“Chúng tôi đi địa phương cũng thấy địa phương thấy khó làm quá thì làm văn bản hỏi trung ương. Họ hỏi các bộ ngành, các bộ ngành lại trích theo điểm a, điểm b luật quy định thế nọ và đề nghị làm theo luật. Tình trạng phổ biến là như thế. Người ta không làm được thì người ta hỏi, mình lại trả lời theo luật, cứ qua lại như vậy. Ngoài ra, ở dưới địa phương bí không làm được thì cũng không suy nghĩ để tìm cách làm, cũng cứ hỏi trung ương. Đây là câu chuyện chúng ta cần phải rất rõ ràng trong việc này”, bà Thanh nêu.

"Sáng cấp cập đi họp, trưa cấp cập về" nhưng không có gì vào trong đầu

Bà Thanh cũng đề nghị trong báo cáo của Chính phủ cũng nên bổ sung thêm kết quả và giải pháp về phát triển khoa học - công nghệ cùng với đổi mới, sáng tạo. “Chúng tôi cho rằng đổi mới, sáng tạo mà thời gian vừa qua Chính phủ đã chỉ đạo, trong đó vai trò của Bộ Kế hoạch - Đầu tư rất lớn, nhưng thể hiện ở trong báo cáo này, sức nặng trong báo cáo này thì viết chưa được rõ”.

Bà Thanh chia sẻ: “Chúng tôi đi cơ sở thấy chúng ta đang phát huy chính phủ điện tử, rồi trực tuyến, nhưng thực tế họp trực tuyến mà chúng ta không có đánh giá thì cũng có mặt trái. Họp trực tuyến rất nhiều nhưng không quan tâm đến hiệu quả của đầu ra thì không cần thận sáng cấp cấp đi họp, trưa cấp cấp về, nhưng chưa chắc đã nạp vào đầu được bao nhiêu. Bởi vì sao? Lãnh đạo ngồi chủ trì họp trực tuyến vì không phải điều hành, chỉ nghe đầu cầu ở trung ương, rồi thậm chí chạy ra chạy vào hoặc mở mạng để xem nội dung khác chứ chưa hẳn đã quan tâm đến nội dung”.

Bà Nguyễn Thị Thanh nhấn mạnh, trong bối cảnh hiện nay, vai trò của Nhà nước phải được tăng lên. “Chúng ta hoạt động, vận hành theo cơ chế thị trường, theo quy luật của thị trường nhưng bàn tay vô hình của Nhà nước trong lúc này là rất cần trong việc dẫn dắt, hỗ trợ, làm bệ đỡ giúp cho doanh nghiệp giải quyết những vấn đề khó khăn; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp người dân để giảm áp lực chi phí đầu vào, thúc đẩy sản xuất, thu hút đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công, giảm thuế...”, bà Thanh nói.

Nguồn: Ithegioi.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 06/5/2023, Chính phủ Phạm Minh Chính ban hành Nghị quyết số 73/NQ-CP của Chính phủ về việc ủy quyền quyết định giá đất.**

Nghị quyết nêu rõ: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị và tình hình thực tế của địa phương thực hiện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thứ nhất, quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư; tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá đất đối với diện tích vượt hạn mức khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

Thứ hai, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá đất, thành viên Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng và lãnh đạo cơ quan tài chính cấp huyện làm thường trực Hội đồng; lãnh đạo cơ quan tài nguyên và môi trường, các cơ quan chuyên môn cấp huyện có liên quan và lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất; tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất hoặc chuyên gia về giá đất và các thành viên khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức xác định giá đất.

Nghị quyết của Chính phủ cũng yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc quyết định giá đất cụ thể được ủy quyền theo quy định trên; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã ủy quyền và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình ủy quyền; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và lợi dụng chính sách để trục lợi cá nhân.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thực hiện đến khi Luật Đất đai (sửa đổi) được Quốc hội thông qua thay thế Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành.

*** Ngày 03/5, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Thông tư số 04/2023/TT-BNV bãi bỏ Thông tư số 03/2008/TT-BNV ngày 03/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch không qua thi đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có thông báo nghỉ hưu.**

Theo đó, bãi bỏ Thông tư số 03/2008/TT-BNV ngày 03/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện xét nâng ngạch không qua thi đối với cán bộ, công chức viên chức đã có thông báo nghỉ hưu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2023.

*** Ngày 30/4, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BNV hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.**

Theo đó, Thông tư nêu rõ điều kiện để được cấp chứng chỉ chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, chứng chỉ chương trình bồi dưỡng được cấp cho học viên có đủ các điều kiện sau đây: 1. Tham gia học tập đầy đủ theo quy định của chương trình bồi dưỡng. 2. Có đủ các bài kiểm tra, viết thu hoạch, tiểu luận, đề án theo quy định của chương trình bồi dưỡng; các bài kiểm tra, viết thu hoạch, tiểu luận, đề án phải đạt từ 50% số điểm trở lên theo thang điểm quy định của chương trình. 3. Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; quy chế, nội quy học tập của Học viện Hành chính Quốc gia; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng được cấp 1 lần cho học viên hoàn thành khóa học, trong ngày bế giảng khóa học.

Học viện Hành chính Quốc gia, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, nghiên cứu có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học đối với trường hợp chứng chỉ bị mất, hư hỏng. Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học có giá trị sử dụng như chứng chỉ chương trình bồi dưỡng; cấp lại chứng chỉ chương trình bồi dưỡng đối với trường hợp chứng chỉ đã cấp nhưng có sai sót do lỗi của Học viện Hành chính Quốc gia, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cấp lại giấy chứng nhận hoàn thành khóa học đối với trường hợp giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng.

Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng, giấy chứng nhận hoàn thành khóa học bị thu hồi trong các trường hợp sau: a) Có sự gian lận trong việc chiêu sinh, học tập đối với người được cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận; b) Cấp cho người không đủ điều kiện; cấp không đúng thẩm quyền. c) Chứng chỉ bị tẩy xóa, sửa chữa; d) Để cho người khác sử dụng; đ) Do lỗi của Học viện Hành chính Quốc gia, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

Học viện Hành chính Quốc gia, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, nghiên cứu có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ chứng chỉ, giấy chứng nhận do đơn vị mình cấp. Trường hợp Học viện Hành chính Quốc gia, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ sở đào tạo, nghiên cứu đã sáp nhập, chia, tách, giải thể thì cơ quan cấp trên trực tiếp các đơn vị này có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ chứng chỉ, giấy chứng nhận...

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2023.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Ông Nguyễn Trường Sơn, Thứ trưởng Bộ Y tế, nghỉ hưu trước tuổi kể từ ngày 01/4/2023 và hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Bổ nhiệm lại ông Đặng Hoàng An giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Công Thương, kể từ ngày 15/5/2023.

Bổ nhiệm ông Đặng Sỹ Mạnh, Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam đối với bà Nguyễn Thị Thu Hiền, kể từ ngày 26/7/2023 đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

* Bộ Thông tin và Truyền thông:

Ông Nguyễn Duy Khiêm, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái được tiếp nhận, phân công công chức biệt phái về công tác tại Bộ Thông tin và Truyền thông, kể từ ngày 01/5/2023.

* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Chuẩn y tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước nhiệm kỳ 2020-2025 đối với đồng chí Vũ Tiến Điền, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước.

Chuẩn y đồng chí Đinh Việt Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Kim Sơn giữ chức vụ Ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Ninh Bình, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Nguồn: baohinhphu.vn